

TỈNH ỦY THANH HÓA

*

Số 708-BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH; PHÁT HUY MẠNH MẼ TIỀM NĂNG,
LỢI THẾ, NGUỒN LỰC, GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI
VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN; PHÁT TRIỂN NHANH,
TOÀN DIỆN VÀ BỀN VỮNG; PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2030 THANH HÓA
TRONG NHÓM CÁC TỈNH DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC, ĐẾN NĂM 2045
TRỞ THÀNH TỈNH GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, HẠNH PHÚC**

*(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khóa XIX
trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030)*

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX là sự kiện chính trị trọng đại của Tỉnh, được diễn ra trong bối cảnh có ý nghĩa rất quan trọng. Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên một tầm cao mới; cả nước tự tin, vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Với phương châm **Đoàn kết - Kỷ cương - Trách nhiệm - Sáng tạo - Phát triển**, Đại hội nghiêm túc đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; làm rõ những thành tựu, kết quả đạt được để phát huy, chỉ ra những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân để khắc phục; rút ra những bài học bổ ích, trên cơ sở đó đề ra quan điểm, mục tiêu và các quyết sách quan trọng để đưa Tỉnh có bước phát triển mới, đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa, thiết thực chào mừng kỷ niệm 1000 năm Danh xưng Thanh Hóa và 100 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập, tạo tiền đề để hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Tỉnh ta có những thuận lợi cơ bản: chính trị - xã hội ổn định; đoàn kết trong Đảng, đồng thuận trong Nhân dân được tăng cường; nhiều công trình, dự án lớn đã đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động phát huy hiệu quả; tiềm lực kinh tế của tỉnh ngày càng lớn mạnh; được Trung ương quan tâm ban hành các nghị quyết chuyên đề¹, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế, chính sách đặc thù, tạo điều kiện cho tỉnh có thêm nguồn lực cho phát triển. Song, cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới suy giảm; đại dịch Covid-19 diễn ra trên diện rộng và kéo dài; hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cùng với những hạn chế, yếu kém của Tỉnh tồn đọng từ nhiều năm trước chưa được giải quyết triệt để², đã tác động bất lợi đến sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, việc làm và đời sống Nhân dân.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong Tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, chủ động khắc phục khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đạt kết quả quan trọng và khá toàn diện; dự kiến có 23/27 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được triển khai toàn diện; đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ được tăng cường; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên

1.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được chú trọng; mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân ngày càng mật thiết

Các cấp ủy đảng luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, chấp hành nghiêm các chủ trương, nghị quyết, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; trình độ, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên được nâng lên³;

công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đạt kết quả tích cực; công tác xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện được tăng cường.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung đổi mới nội dung, hình thức học tập, quán triệt, triển khai các nghị quyết của Đảng gắn với triển khai chương trình hành động của cấp ủy. Thực hiện hiệu quả định hướng hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; phát huy tốt vai trò của văn hóa, văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng của Đảng. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai chủ động, bài bản, kịp thời, hiệu quả.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức đạt kết quả quan trọng. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã rà soát, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; giúp cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, “tự soi”, “tự sửa”, nâng cao đạo đức cách mạng.

Công tác dân vận được triển khai thực hiện hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai sâu rộng, gắn với các phong trào thi đua, các cuộc vận động. Mô hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ” được nhân rộng, góp phần đổi mới tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức theo phương châm “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”. Công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đồng bào có đạo được quan tâm. Phát huy tốt vai trò đại diện Nhân dân tham gia giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước; thực hiện tốt công tác hoà giải trong nội bộ Nhân dân, góp phần giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh từ cơ sở.

1.2. Việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đạt kết quả quan trọng

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng cán bộ,

công chức, viên chức. Trong nhiệm kỳ, đã hoàn thành việc rà soát, sắp xếp lại và kiện toàn tổ chức bộ máy các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên môn của UBND các cấp và các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng chỉ đạo của Trung ương. Đặc biệt, đã rà soát, sắp xếp lại số lượng lớn các xã, phường theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đảm bảo sát thực tế, đúng quy định⁴.

1.3. Công tác củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng được tăng cường; số lượng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên

Việc củng cố, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng phù hợp với sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được thực hiện đồng bộ; quan tâm rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại các tổ chức đảng ở các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ⁵. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân hằng năm đạt trên 95%, vượt mục tiêu Đại hội.

Công tác phát triển đảng viên mới gắn với sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi đảng được quan tâm, đạt kết quả nổi bật; đã kết nạp 28.535 đảng viên mới, gấp 1,9 lần mục tiêu Đại hội; số lượng đảng viên mới là học sinh, sinh viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang tăng nhanh, chất lượng đảng viên được nâng lên⁶.

1.4. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện theo đúng quy định; chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

Tỉnh ủy đã chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản, quy định, quy chế về công tác cán bộ để phù hợp với các quy định mới của Trung ương và tình hình thực tế; rà soát, khắc phục, xử lý kịp thời những thiếu sót trong công tác cán bộ theo Kết luận số 27-KL/TW ngày 21/02/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Công tác đánh giá cán bộ được đổi mới, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể và theo chức danh, vị trí làm việc⁷. Công tác quy hoạch cán bộ có sự đổi mới, đảm bảo tính liên thông, “động” và “mở”; chất lượng nguồn quy hoạch được nâng lên⁸. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng⁹. Công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện đúng quy trình, quy định¹⁰; cơ bản bố trí các chức danh chủ

chốt cấp huyện, cấp xã không phải là người địa phương¹¹. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định¹².

1.5. Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng; kỷ luật, kỷ cương của Đảng được tăng cường, góp phần cảnh báo, phòng ngừa, hạn chế vi phạm

Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành các chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên. Nội dung kiểm tra, giám sát được xác định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và có trọng tâm, trọng điểm¹³. Chủ động phát hiện, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; xem xét, kết luận và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm¹⁴. Qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng đã góp phần quan trọng trong việc giáo dục, phòng ngừa sai phạm, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

1.6. Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đạt kết quả tích cực

Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách tư pháp. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện ngay từ cơ sở; trách nhiệm, chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên, nhiều vụ việc khiếu kiện kéo dài, phức tạp đã được giải quyết.

Thanh Hóa là một trong những tỉnh sớm thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh; các vụ án tham nhũng phức tạp, dư luận xã hội quan tâm được đưa vào diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo xử lý đạt hiệu quả cao¹⁵. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ án theo phương châm không có vùng cấm, không có ngoại lệ¹⁶.

1.7. Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới

Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; đổi mới công tác xây dựng, ban hành nghị quyết của cấp ủy theo hướng cụ thể, thiết thực, có tính dự báo và tính khả thi cao; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những vấn đề lớn, các điểm nghẽn, vấn đề xã hội bức xúc.

Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với chính quyền và hệ thống chính trị được tăng cường, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc. Phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục được đổi mới, vừa đảm bảo tính toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm. Cải cách hành chính trong các cơ quan Đảng được đẩy mạnh trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với chuẩn hóa quy trình, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục, bảo đảm nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

2. Công tác xây dựng chính quyền có nhiều chuyển biến tích cực

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật và tham gia quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; tăng cường hoạt động giám sát theo chuyên đề, tập trung vào những ngành, lĩnh vực cử tri quan tâm; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân theo quy định.

Hoạt động của HĐND tỉnh và HĐND các cấp tiếp tục được đổi mới. Chất lượng các kỳ họp được nâng lên, tăng thời lượng phản biện, chất vấn, tranh luận tại các kỳ họp; tổ chức linh hoạt nhiều kỳ họp chuyên đề để giải quyết các vấn đề mới, cấp bách. Công tác giám sát việc triển khai các nghị quyết của HĐND được tăng cường. Thực hiện nền nếp, hiệu quả hoạt động tiếp xúc cử tri theo quy định.

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND tỉnh và UBND các cấp tiếp tục được nâng lên; chú trọng công tác ủy quyền, rút ngắn thời gian xử lý, giải quyết hồ sơ, thủ tục cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc; thực hiện tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động

Đã tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở; triển khai sâu rộng, hiệu quả nhiều phong trào thi đua, cuộc vận động; nắm chắc tình hình, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên, Nhân dân; tích cực huy động nguồn lực xã hội và tổ chức các hoạt động cứu trợ, hỗ trợ khắc phục

hậu quả thiên tai, dịch bệnh, xây dựng nhà ở cho đồng bào sinh sống trên sông, hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở; tích cực tham gia giải quyết các vấn đề nổi cộm, bức xúc, góp phần bảo đảm ổn định tình hình cơ sở. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội ngày càng thiết thực, hiệu quả¹⁷. Công tác xây dựng tổ chức hội và phát triển đoàn viên, hội viên được quan tâm; tỉ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên được nâng lên¹⁸.

II. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

1. Kinh tế tăng trưởng cao, quy mô nền kinh tế ngày càng lớn, từng bước khẳng định là cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc

1.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 10,24%¹⁹, đứng thứ 4 cả nước²⁰ và đứng thứ 3 trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước (so với các tỉnh, thành phố trước khi hợp nhất, sáp nhập). Quy mô GRDP năm 2025 ước đạt 357.760 tỉ đồng²¹, gấp 1,9 lần năm 2020, đứng thứ 8 cả nước; GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 3.750 USD/người, gấp 1,7 lần năm 2020.

Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp²². Cơ cấu trong nội bộ các ngành, lĩnh vực có chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và tác động tiêu cực đến môi trường²³. Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh năm 2025 ước đạt 18,7%.

Kinh tế nhà nước phát triển ổn định; kinh tế tư nhân phát triển đa dạng; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng ngày càng cao, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng và thu ngân sách nhà nước²⁴. Mô hình tăng trưởng kinh tế chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu²⁵; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư năm 2025 đều tăng so với năm 2020²⁶.

Các trung tâm kinh tế động lực tiếp tục được quan tâm đầu tư và đóng vai trò quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh²⁷. Các trụ cột tăng trưởng được tạo điều kiện, khuyến khích phát triển²⁸. Các hành lang kinh tế được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông²⁹, tạo điều kiện mở rộng không gian phát triển, thu hút đầu tư và thúc đẩy kết nối, liên kết vùng.

Với những kết quả quan trọng đạt được trong phát triển kinh tế, vị thế, vai trò của Tỉnh được nâng cao, có tác động lan tỏa ngày càng lớn đến sự phát triển của các tỉnh trong khu vực và cả nước, từng bước khẳng định là cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc như Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

1.2. Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất tăng mạnh, nhiều lĩnh vực trong nhóm đầu cả nước

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển khá toàn diện theo hướng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, gắn với tiêu thụ sản phẩm³⁰; một số nông sản hàng hóa mới được xuất khẩu, mang lại thu nhập cao cho người dân³¹. Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; đàn gia súc, gia cầm phát triển nhanh, là một trong những địa phương có tổng đàn vật nuôi thuộc nhóm đầu cả nước³². Lâm nghiệp phát triển bền vững³³. Thủy sản phát triển cả về nuôi trồng, khai thác và dịch vụ hậu cần nghề cá. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp đạt kết quả tích cực³⁴; đã hình thành một số chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm³⁵. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được đẩy mạnh, có thêm 531 sản phẩm OCOP được công nhận, đứng thứ 3 cả nước.

*Công nghiệp - xây dựng phát triển mạnh*³⁶. Nhiều dự án, cơ sở sản xuất công nghiệp mới³⁷ đã hoàn thành và đi vào hoạt động hiệu quả. Tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn tiếp tục phát triển; nhiều sản phẩm đã khẳng định được chất lượng, thương hiệu trên thị trường trong nước và xuất khẩu³⁸. Lĩnh vực xây dựng tăng trưởng bình quân hằng năm 7,34%. Công tác lập quy hoạch xây dựng và quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng có chuyển biến tích cực.

Ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân hằng năm 8,01%. Thương mại phát triển theo hướng văn minh, hiện đại; quy mô thị trường tăng mạnh, năm 2025 đứng thứ 7 cả nước. Giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 8 tỉ USD, đạt mục tiêu Đại hội. Đã đưa vào khai thác một số khu, điểm, sản phẩm du lịch mới³⁹; năm 2024, Thanh Hóa xếp thứ 4 cả nước về thu hút khách du lịch và xếp thứ 5 về tổng thu du lịch. Dịch vụ vận tải phát triển khá cả về vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa và bốc xếp hàng hóa thông qua cảng. Dịch vụ bưu chính, viễn thông được đầu tư nâng cao chất lượng, mở rộng vùng phục vụ, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

1.3. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; thu hút đầu tư nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước⁴⁰; phát triển doanh nghiệp, thu ngân sách nhà nước vượt mục tiêu Đại hội

Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được tăng cường; hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; nhiều thủ tục hành chính được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết; khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được quan tâm giải quyết. Xây dựng chính quyền điện tử tiếp tục được đẩy mạnh; Thanh Hóa là một trong những tỉnh đầu tiên trên cả nước thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp.

Phát triển doanh nghiệp được quan tâm⁴¹; đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 22 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, đạt 5,8 doanh nghiệp/1.000 dân, tăng 1,05 doanh nghiệp so với năm 2020. Phát triển hợp tác xã có chuyển biến tích cực⁴².

Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 700,1 nghìn tỉ đồng, gấp 1,14 lần giai đoạn 2016 - 2020. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng vốn nhà nước, tăng nhanh tỉ trọng vốn ngoài nhà nước. Từ năm 2021 đến nay, đã thu hút được 350 dự án đầu tư trực tiếp⁴³, trong đó có 55 dự án FDI. Các nguồn vốn ODA, NGO tiếp tục được quan tâm vận động, sử dụng hiệu quả⁴⁴. Tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý hàng năm luôn trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước.

Thu ngân sách nhà nước hằng năm đều vượt dự toán Trung ương giao và nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có số thu ngân sách cao nhất cả nước⁴⁵; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm ước đạt 10,5%, vượt mục tiêu Đại hội. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước được cơ cấu lại theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, cần thiết.

1.4. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc

Đã thực hiện nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới gần 710 km đường quốc lộ và đường tỉnh, kết nối các trung tâm kinh tế động lực, các vùng, miền và kết nối với các trục giao thông huyết mạch quốc gia⁴⁶. Hạ tầng Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư⁴⁷. Hạ tầng nông

ng nghiệp, thương mại, dịch vụ, cấp điện, công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, y tế... tiếp tục được đầu tư, cải tạo, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân.

Phát triển đô thị được chú trọng; giai đoạn 2021 - 2025, có thêm 06 đô thị được công nhận; hạ tầng đô thị được đầu tư theo hướng hiện đại, phát huy vai trò là trung tâm kết nối các khu vực nông thôn, các cụm công nghiệp, các điểm dịch vụ và du lịch trên địa bàn. Đến năm 2025, tỉ lệ đô thị hóa ước đạt 40%, đạt mục tiêu Đại hội.

*Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, trong nhóm dẫn đầu cả nước*⁴⁸. Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư bằng nhiều nguồn lực đa dạng, đạt kết quả quan trọng⁴⁹, diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, sáng, xanh, sạch, đẹp.

2. Văn hóa, xã hội chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống Nhân dân được nâng lên; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu

2.1. Hoạt động khoa học - công nghệ, chuyển đổi số được chú trọng⁵⁰. Các tổ chức và doanh nghiệp khoa học - công nghệ được đầu tư tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học; năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ được nâng cao.

Chuyển đổi số đạt kết quả quan trọng trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số⁵¹; Chỉ số xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) của tỉnh luôn duy trì trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước⁵². Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) của tỉnh năm 2024 xếp thứ 26 của cả nước, tăng 04 bậc so với năm 2023.

2.2. Hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao chuyển biến tích cực. Công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hoá được quan tâm thực hiện⁵³. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng tập thể, cá nhân kiểu mẫu được đẩy mạnh⁵⁴. Hoạt động văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả. Phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển mạnh⁵⁵; thể thao thành tích cao đạt 2.722 huy chương, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước⁵⁶.

2.3. Giáo dục và Đào tạo phát triển toàn diện; giáo dục mũi nhọn luôn đứng trong tốp đầu của cả nước⁵⁷; chất lượng giáo dục đại trà chuyển biến tích cực⁵⁸. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 ước đạt 86,9%, vượt mục tiêu Đại hội. Hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được rà soát, sắp xếp lại, gắn đào tạo với nhu cầu xã hội⁵⁹. Xã hội hóa giáo dục đạt kết quả tích cực⁶⁰; khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trở thành phong trào sâu, rộng trong toàn tỉnh.

2.4. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm. Đã thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả các biện pháp phòng, chống và kiểm soát tốt đại dịch Covid-19, hạn chế tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và sức khỏe của Nhân dân⁶¹. Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh. Đến năm 2025, các chỉ tiêu về số giường bệnh/vạn dân, số bác sỹ/vạn dân, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế, tỷ lệ dân số tham gia BHYT đều đạt mục tiêu Đại hội⁶². Xã hội hóa y tế tiếp tục được đẩy mạnh⁶³.

2.5. Giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội được chăm lo. Trong 5 năm, đã giải quyết việc làm cho 310 nghìn lao động. Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch tích cực⁶⁴. Tỷ lệ lao động qua đào tạo hàng năm được nâng lên⁶⁵. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1,56%, vượt mục tiêu Đại hội. Chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng⁶⁶. Thanh Hóa là tỉnh đi đầu trong vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở và đồng bào sinh sống trên sông⁶⁷.

Các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả; quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của Nhân dân được tôn trọng; các đề nghị chính đáng của các tổ chức tôn giáo được quan tâm giải quyết kịp thời. Đồng bào các dân tộc, tôn giáo đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền, tích cực tham gia phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống.

2.6. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; kịp thời phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được chú trọng, tạo cơ sở pháp lý cho quản lý, sử dụng đất đai hiệu quả, đúng quy định. Công tác GPMB được tập trung chỉ đạo quyết liệt, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ triển khai các dự án⁶⁸. Công tác bảo vệ môi trường được tăng cường; kịp thời

xử lý, khắc phục các sự cố môi trường⁶⁹. Các chỉ tiêu chủ yếu về môi trường đều đạt mục tiêu Nghị quyết đại hội đề ra⁷⁰.

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng; đã đưa vào vận hành hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại khu vực miền núi (giai đoạn 1). Công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai được triển khai chủ động, linh hoạt, kịp thời, hạn chế thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

3. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Đã tập trung quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời việc sắp xếp tổ chức quân sự địa phương tinh, gọn, mạnh theo Kết luận số 159-KL/TW của Bộ Chính trị; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tiềm lực quốc phòng - an ninh được nâng lên; sức mạnh tổng hợp và khả năng chiến đấu của lực lượng vũ trang được tăng cường. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh, nhất là trong lựa chọn và thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư. Đã đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các công trình quốc phòng có tính chất lưỡng dụng⁷¹. Tổ chức thực hiện toàn diện, hiệu quả công tác biên phòng, bảo đảm vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

An ninh trên các lĩnh vực được bảo đảm, trật tự xã hội được giữ vững⁷². Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng. Các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự xảy ra trên địa bàn được giải quyết kịp thời, hiệu quả, không để bị động, bất ngờ, hình thành “điểm nóng”. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có chuyển biến rõ nét⁷³. Đã hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp căn cước công dân gắn chip điện tử; hoàn thành việc bố trí Công an chính quy tại 100% xã, thị trấn; 100% thôn, bản, tổ dân phố đã thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở. Tai nạn cháy nổ, tai nạn giao thông được kéo giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người bị thương và số người chết so với nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Công tác đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng, từng bước đi vào chiều sâu

Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố, đối tác ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế được mở rộng. Đã tăng cường và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với tỉnh Hủa Phăn (Nước CHDCND Lào); nâng cao

hiệu quả hợp tác với các đối tác đã thiết lập⁷⁴; thiết lập mới⁷⁵ và xúc tiến việc thiết lập quan hệ hợp tác với một số tỉnh, thành phố nước ngoài⁷⁶. Công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hoá được thực hiện đạt kết quả tích cực⁷⁷. Đối ngoại Nhân dân được quan tâm, các tổ chức hữu nghị được củng cố, đổi mới hoạt động, chất lượng, hiệu quả được nâng lên.

Hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong nước được mở rộng, đi vào chiều sâu và hiệu quả, thiết thực hơn⁷⁸. Tích cực tham gia, phối hợp với các địa phương tăng cường liên kết vùng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 58-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ⁷⁹, CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

Thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, các chương trình trọng tâm, khâu đột phá đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX được xác định là những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của Tỉnh trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Vì vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, sâu rộng trong toàn Đảng bộ; xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể để thực hiện, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cụ thể hóa thành các đề án, dự án, cơ chế, chính sách, nội dung công việc theo từng năm; thành lập các ban chỉ đạo và phân công trách nhiệm cụ thể trong tổ chức thực hiện. Nhờ đó, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, như sau:

1. Về thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương tham mưu cho Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết⁸⁰ và trình Quốc hội cho thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa⁸¹; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị quyết, quyết định hướng dẫn, cụ thể hóa quy trình, thủ tục thực hiện cơ chế chính sách đặc thù⁸², phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch, làm cơ sở cho Tỉnh triển khai thực hiện⁸³.

Đến nay đã có 05/08 cơ chế, chính sách được triển khai thực hiện⁸⁴; 03 chính sách đang nghiên cứu để triển khai thực hiện⁸⁵; các cơ chế, chính sách đặc thù đi vào cuộc sống đã giúp Tỉnh có thêm nguồn lực cho đầu tư

phát triển và rút ngắn thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong giải quyết các thủ tục về đất đai, quy hoạch... cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Dự kiến đến hết năm 2025, có 11/14 chỉ tiêu chủ yếu đề ra trong Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị đạt và vượt kế hoạch⁸⁶.

2. Về thực hiện 08 chương trình trọng tâm và 03 khâu đột phá

Tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên phân bổ nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình trọng tâm, các khâu đột phá và đạt được những kết quả tích cực, nổi bật là: Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới có 08/10 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi có 11/14 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa có 08/14 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục có 09/10 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; Chương trình nâng cao chất lượng y tế có 11/13 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; Chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, tạo chuyển biến rõ nét trong sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ có 10/12 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; Khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn có 05/06 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch..., góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

Những thành tựu, kết quả quan trọng đạt được trong nhiệm kỳ 2020-2025 là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành linh hoạt, sáng tạo, kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự chủ động trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện một số chủ trương, cuộc vận động phù hợp với thực tiễn cuộc sống, tạo thành phong trào thi đua rộng lớn trong toàn tỉnh; cùng với sự vào cuộc, tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; sự đồng thuận, ủng hộ, chủ động, nỗ lực, cố gắng của các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời, nhờ sự chỉ đạo, hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương, nhất là trong giải quyết những bất cập, điểm nghẽn về thể chế; bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới nhiều cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, phục hồi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19 và ban hành một số chính sách đặc thù, các chính sách hỗ trợ đối với các vùng nghèo, địa phương nghèo, trong đó có Thanh Hóa.

B. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

I. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác nắm tình hình tư tưởng và giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hạn chế. Định hướng thông tin, tuyên truyền có lúc, có việc chưa kịp thời. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa gắn với giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc ở địa phương, cơ sở.

Vẫn còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu suy giảm. Việc đánh giá cán bộ một số nơi vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, chưa đúng thực chất. Một số cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương, vi phạm pháp luật, trong đó có cả cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp phải xử lý kỷ luật về đảng, hành chính, đoàn thể và truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chất lượng kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy còn hạn chế; chưa chủ động phát hiện, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện kết luận sau kiểm tra, thanh tra, giám sát chưa được quan tâm đúng mức. Công tác đấu tranh, phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số ngành, địa phương, đơn vị hiệu quả chưa cao.

Hệ thống dân vận có lúc, có nơi chưa tham mưu giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tại một số cơ sở chậm đổi mới; giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền ở nhiều nơi còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chậm đổi mới. Vẫn còn tình trạng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện, làm thay; phân công trách nhiệm giữa tập thể, cá nhân chưa cụ thể, rõ ràng. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền có mặt còn hạn chế; một số khó khăn, vướng mắc, vụ việc chỉ đạo giải quyết còn chậm. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu; vẫn còn xảy ra vi phạm, sai sót, chậm trễ trong quá trình tham mưu, giải quyết công việc. Vẫn còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, gây phiền hà, sách nhiễu trong thực thi công vụ.

2. Về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại

2.1. Còn 04 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra không đạt kế hoạch, đó là: Tốc độ tăng trưởng GRDP, GRDP bình quân đầu người, tổng huy động vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP; kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa bền vững; vai trò của một số trung tâm kinh tế động lực, trụ cột tăng trưởng, hành lang kinh tế còn hạn chế. Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị chưa nhiều. Tiến độ triển khai một số dự án công nghiệp lớn, trọng điểm⁸⁷ còn chậm; chưa thu hút thêm được nhiều dự án FDI, dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao. Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa khắc phục được tính mùa vụ; sản phẩm xuất khẩu chủ yếu vẫn là sản phẩm thô, hàng gia công. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng còn diễn biến phức tạp. Nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chưa bền vững. Việc xử lý cơ sở nhà, đất, tài sản công đôi dư sau sáp nhập đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp còn chậm.

Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh có mặt còn hạn chế; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt thấp so với mục tiêu đề ra; nhiều khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong tiếp cận đất đai, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, tính tiền sử dụng đất, cung ứng nguồn lao động kỹ thuật cao chậm được giải quyết. Hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chậm được cải thiện⁸⁸, chưa có nhiều doanh nghiệp lớn mang tính dẫn dắt, tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển chậm, hiệu quả thấp.

Tổ chức lập một số quy hoạch còn chậm; vi phạm quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng còn xảy ra. Tiến độ triển khai một số dự án kết cấu hạ tầng giao thông, các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, hạ tầng du lịch⁸⁹ rất chậm. Việc bố trí vốn đầu tư công chưa thực sự tập trung⁹⁰; công tác giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư nhìn chung còn chậm. Kết cấu hạ tầng, nhất là ở khu vực miền núi còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Chất lượng phát triển đô thị chưa cao; tiến độ thực hiện nhiều khu đô thị còn chậm, đầu tư dở dang, thiếu đồng bộ, hiện đại.

2.2. Đóng góp của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội còn thấp; chất lượng, hiệu quả các đề tài, nhiệm vụ khoa học chưa cao. Đội ngũ nhà giáo còn bất cập về cơ cấu; vẫn còn tình trạng thiếu

giáo viên ở các cấp học. Chất lượng hệ thống y tế cơ sở còn thấp. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, thiếu chuyên gia đầu ngành, nguồn lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao. Tình trạng nợ đọng, chậm đóng bảo hiểm trong các doanh nghiệp còn cao. Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao.

Khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo chưa hiệu quả, thiếu bền vững. Nhiều vướng mắc về đất đai chậm được giải quyết⁹¹. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, giá bán thực tế cao hơn giá công bố của Nhà nước còn diễn ra. Ô nhiễm môi trường còn xảy ra; hạ tầng xử lý rác thải sinh hoạt ở hầu hết các địa phương còn thiếu.

2.3. Việc đầu tư xây dựng một số công trình phòng thủ, công trình chiến đấu, nhất là công trình chiến đấu cấp huyện còn chậm. Tội phạm ma túy, công nghệ cao, lừa đảo, “tín dụng đen” vẫn còn diễn biến phức tạp; một số băng, ổ nhóm tội phạm có tổ chức liên quan đến khai thác khoáng sản hoạt động trong thời gian dài nhưng chậm được xử lý. Công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo còn chậm, nhất là liên quan đến lĩnh vực đất đai; một số vụ việc khiếu kiện phức tạp giải quyết chưa triệt để, còn kéo dài. Tai nạn giao thông, cháy nổ vẫn ở mức cao. Hoạt động đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế có mặt còn hạn chế; liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài chưa đi vào chiều sâu, thực chất; hợp tác, liên kết phát triển vùng còn hạn chế.

3. Việc thực hiện các chương trình trọng tâm, các khâu đột phá còn thiếu đồng bộ, thiếu nguồn lực; kết quả thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo được sức lan tỏa lớn, phát triển đột phá trên các lĩnh vực, như: Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chương trình phát triển du lịch; Khâu đột phá về phát triển hạ tầng...

II. NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Nguyên nhân khách quan: Tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, có nhiều bất ổn, khó dự báo; hệ thống thể chế của Nhà nước chưa đồng bộ, còn nhiều vướng mắc, một số quy định của pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung; Đại dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường... đã tác động bất lợi đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra.

2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác dự báo trên một số lĩnh vực chưa sát với thực tế; xác định một số chỉ tiêu, chương trình trọng tâm, khâu đột phá không đảm bảo tính khả thi, không cân đối bố trí đủ nguồn lực cho tổ chức thực hiện. Hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa cao và chưa đồng đều giữa các ngành, các cấp; còn tình trạng thiếu sâu sát thực tế; thiếu chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn.

Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có cả người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp trình độ, năng lực hạn chế; có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, làm việc cầm chừng, hiệu quả thấp. Phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong giải quyết công việc chưa chặt chẽ, kịp thời. Kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; xử lý cán bộ thiếu trách nhiệm, năng lực yếu kém chưa cương quyết.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Năm năm qua, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, song, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống đoàn kết, cách mạng, chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng: **(1)** Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng cao, trong nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước; nhiều chỉ tiêu kinh tế vượt mục tiêu Đại hội và tăng cao so với nhiệm kỳ trước, nhất là thu ngân sách nhà nước, chỉ số sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu, tổng thu du lịch. **(2)** Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; thu hút đầu tư nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. **(3)** Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới, ngày càng khang trang, hiện đại. **(4)** Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra; giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao tiếp tục duy trì trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước; tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn, được nhân dân đánh giá cao; an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện. **(5)** Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quan hệ đối ngoại được mở rộng. **(6)** Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được triển khai thực hiện đồng bộ, sáng tạo, đạt kết quả toàn diện; nhiều khuyết điểm, vi phạm trên các lĩnh

vực được chấn chỉnh, khắc phục, xử lý kịp thời; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường. Vị thế, tiềm lực, uy tín của tỉnh tiếp tục được nâng cao.

Từ thực tiễn 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, phải giữ vững nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; đặc biệt coi trọng việc giữ gìn, phát huy dân chủ, đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, tạo sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và trong Nhân dân.

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và có trọng tâm, trọng điểm; phải thực sự sâu sát, quyết liệt, nắm chắc tình hình, dự báo sát đúng, phản ứng kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề mới; giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc, tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông mọi nguồn lực cho sự phát triển.

Ba là, coi trọng phát huy nội lực trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tiềm năng, thế mạnh, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; đồng thời phải tranh thủ tốt sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, huy động đa dạng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là chọn lọc, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, thực sự có năng lực, có kinh nghiệm, có uy tín trong nước và quốc tế.

Bốn là, quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì lợi ích chung; thường xuyên rà soát, kiện toàn, bố trí, sắp xếp lại cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kịp thời thay thế người đứng đầu thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế để địa phương, cơ quan, đơn vị trì trệ, yếu kém, mất đoàn kết nội bộ.

Năm là, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành; tăng cường công tác tự kiểm tra, tự phát hiện, tự soi, tự sửa các hạn chế, yếu kém; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; chủ động ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý các vi phạm, khuyết điểm ngay từ khi mới phát sinh.

Phần thứ hai
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

A. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Trong những năm tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn trên thế giới; toàn cầu hóa và liên kết kinh tế tiếp tục tiến triển; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực; lực lượng sản xuất mới, nhất là trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có; dòng vốn FDI tiếp tục có xu hướng chuyển dịch từ một số nước phát triển sang khu vực ASEAN, trong đó có nước ta. Trong nước, sau 40 năm đổi mới, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới; kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được đổi mới, sắp xếp lại tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhiều chủ trương, cơ chế chính sách mạnh, vượt trội, nhất là về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, thu hút, trọng dụng nhân tài được ban hành. Trong tỉnh, những thành tựu đạt được trong những năm qua đã củng cố, nâng cao vị thế, tiềm lực và uy tín của tỉnh; nhiều chương trình, dự án, cơ chế chính sách, mô hình mới đã và đang triển khai tiếp tục phát huy hiệu quả; chính trị, xã hội ổn định, đoàn kết thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong Nhân dân được tăng cường; từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đúc kết được nhiều bài học bổ ích, là những thuận lợi cơ bản để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Tuy nhiên, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột, chiến tranh diễn ra ở nhiều khu vực, phức tạp hơn, nguy cơ lan rộng; chiến tranh thương mại, chính sách thuế đối ứng ảnh hưởng mạnh đến kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Trong nước, kinh tế - xã hội phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức; nhiều điểm nghẽn, trở ngại chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để. Trong tỉnh, dư địa phát triển theo chiều rộng ngày càng hạn hẹp; hoạt động của một số cấp ủy, chính quyền cấp xã mới bước đầu còn khó khăn, lúng túng; chất lượng, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm còn thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao

động, năng lực khoa học - công nghệ còn hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực miền núi còn thiếu và chưa đồng bộ; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, là những yếu tố không thuận lợi cho sự phát triển của tỉnh.

B. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là những chủ trương, nghị quyết có tính đột phá, chiến lược vào tình hình thực tiễn của tỉnh; chủ động thực hiện phương châm “địa phương làm, địa phương quyết, địa phương chịu trách nhiệm”; phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, khát vọng đi đầu để bứt phá đi lên, xây dựng Thanh Hóa thực sự trở thành cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

2. Phát huy cao độ lợi thế về vị trí chiến lược, vai trò cầu nối liên kết vùng và tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; phát triển hài hòa, cân đối giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững, giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó, phát triển theo chiều sâu là chủ đạo.

3. Huy động tối đa nội lực, kết hợp với tranh thủ tốt các nguồn lực từ bên ngoài; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực then chốt; lấy kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng; lấy văn hóa và con người làm nguồn lực nội sinh; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, huy động sức mạnh của cả Hệ thống chính trị để thực hiện các mục tiêu phát triển.

4. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; mọi thành quả phát triển đều hướng tới phục vụ Nhân dân; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó tuyệt đối không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh, trong đó, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; chú trọng công tác đối ngoại, hợp tác, hội nhập quốc tế và tăng cường liên kết vùng để mở rộng không gian, dư địa phát triển.

C. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

I. MỤC TIÊU CHUNG

Xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm ở mức 02 con số; chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics. Phát triển đột phá khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; duy trì Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm về dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc Trung bộ. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Cải thiện rõ nét đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030 Thanh Hóa trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 3% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14% trở lên; dịch vụ tăng khoảng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng khoảng 6% trở lên.

(2) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 7.900 USD trở lên.

(3) Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 90 triệu đồng trở lên.

(4) Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 5%.

(5) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%.

(6) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 840 nghìn tỉ đồng trở lên.

(8) Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,2 lần.

(9) Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 7% trở lên.

(10) Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt 15 tỉ USD trở lên.

(11) Số doanh nghiệp thành lập mới 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15.000 doanh nghiệp trở lên.

(12) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt 50% trở lên.

(13) Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn.

(14) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên.

(15) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm đạt 8,1% trở lên.

(16) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030 đạt 55% trở lên.

(17) Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên.

(18) Đến năm 2030 toàn tỉnh có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có 35% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; không còn xã dưới 15 tiêu chí nông thôn mới.

2. Về văn hóa - xã hội

(19) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hàng năm từ 1% trở lên.

(20) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80% trở lên; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên.

(21) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 dưới 20%.

(22) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95% trở lên.

(23) Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030 đạt 15 bác sỹ/10.000 dân.

(24) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên.

(25) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên.

3. Về môi trường

(26) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 54,5% trở lên.

(27) Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030 đạt 99,5%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%.

(28) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%.

4. Về quốc phòng, an ninh

(29) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt 80% trở lên; phần đầu đến năm 2030, có ít nhất 50% xã, phường không ma túy.

(30) 100% số xã, phường có lực lượng dân quân thường trực; xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh.

5. Về xây dựng Đảng

(31) Hằng năm kết nạp 8.100 đảng viên mới trở lên.

(32) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90% trở lên.

D. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao chất lượng, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp lại và đào tạo, bồi dưỡng

ng nghiệp vụ, kỹ năng công tác, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ, công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới tư duy, phương thức quản lý, điều hành của các cấp chính quyền theo hướng kiến tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tạo chuyển biến rõ nét về nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hiệu quả, khắc phục tình trạng hành chính hóa. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

2. Tập trung quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025-2030; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các nghị quyết, kết luận của Trung ương mới ban hành, đặc biệt là những chủ trương, nghị quyết có tính đột phá, chiến lược⁹². Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện, đảm bảo các chủ trương, nghị quyết của Đảng sớm đi vào cuộc sống, đạt được mục tiêu đề ra.

3. Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng, nhất là các động lực tăng trưởng mới. Tiếp tục triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả các giải pháp nâng cao tốc độ tăng trưởng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu; tập trung xây dựng, phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực theo Quy hoạch tỉnh, 3 trụ cột phát triển (công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; du lịch), tạo sức lan tỏa thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực, các vùng, khu vực và cả tỉnh.

4. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, khẳng định vị thế là cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

5. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, trọng tâm là hạ tầng các khu công nghiệp, hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn; nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê; triển khai thực hiện các dự án điện khí (LNG); xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn; tạo thuận lợi, ưu tiên thu hút các dự án hóa dầu, tổng kho xăng dầu, các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp mới nổi, dịch vụ logistics, đưa Thanh Hóa thành Trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics.

6. Lồng ghép, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả 5 chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, dân tộc; Chương trình phát triển văn hóa; Chương trình phòng, chống ma túy) nhằm phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa kinh tế với văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau.

7. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, Nhân dân quan tâm (thừa thiếu giáo viên; nghiện hút ma túy; khám chữa bệnh; môi trường; nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN; nhà ở cho công nhân, người nghèo...); thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền núi, tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Củng cố, kiện toàn, xây dựng lực lượng vũ trang, dự bị động viên, dân quân tự vệ đảm bảo về số lượng và chất lượng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

D. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông; hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng khu vực miền núi; hạ tầng

thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hạ tầng du lịch.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở 5 trụ cột là: cơ chế, chính sách, nhân lực, dữ liệu và công nghệ cao; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...); xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, tuân thủ pháp luật, có khát vọng làm giàu chính đáng, có trách nhiệm với xã hội; đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành, công nhân lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh.

E. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

1.1. Tập trung xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Tập trung nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực, vai trò nêu gương và tính chiến đấu của các cấp ủy đảng và đảng viên; kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh; khắc phục có hiệu quả những yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo khâu tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên. Hoàn thiện cơ chế, quy chế, quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tự phê bình và phê bình, chất vấn trong cấp ủy, tổ chức đảng.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư

tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nâng cao chất lượng công tác dự báo, chủ động nắm bắt, xử lý thông tin, kịp thời định hướng dư luận xã hội và đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, thù địch. Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn phục vụ việc hoạch định và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Tỉnh.

Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Nâng cao hiệu quả, tính thiết thực trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục liêm chính, nâng cao hiệu quả phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.2. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Tập trung thực hiện hiệu quả Kết luận số 177-KL/TW ngày 11/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả⁹³. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ; khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ; đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ; triển khai xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức; đổi mới công tác bổ nhiệm cán bộ, nghiên cứu thí điểm thực hiện thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã. Thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, gắn với tinh giản biên chế, bảo đảm đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.3. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên

Tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc, quy chế phối hợp, xác định rõ mối quan hệ lãnh đạo, quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa cấp ủy với chính quyền, giữa cấp ủy với thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

Đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chi bộ trong giáo dục, quản lý, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên. Làm tốt công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng, nhất là ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc, trong các doanh nghiệp.

1.4. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên

Thực hiện nghiêm công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Coi trọng công tác thẩm tra, thẩm định, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị để xem xét kết nạp người vào Đảng và đối với cán bộ, đảng viên được quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và bố trí làm việc ở cơ quan, bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật theo quy định.

Quản lý chặt chẽ, hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, văn hóa công sở, giáo dục liêm chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm, không dám làm trong một bộ phận cán bộ, công chức; khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Kiên quyết bố trí, sắp xếp lại đối với người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị trì trệ kéo dài, hoặc để mất đoàn kết nội bộ, xảy ra tiêu cực, tham nhũng nghiêm trọng.

1.5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Đổi mới quy trình, phương pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp. Coi trọng giám sát thường xuyên để chủ động phòng ngừa, cảnh báo vi phạm từ sớm, từ xa. Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm; tăng cường công tác tự kiểm tra, đề cao trách nhiệm tự soi, tự sửa, tự khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức đảng, đảng viên. Chủ động nắm chắc tình hình tổ chức đảng và đảng viên, kịp thời phát hiện và tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là các địa phương, đơn vị có nhiều đơn, thư, lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm. Nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ

kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với thanh tra, cơ quan bảo vệ pháp luật và các đơn vị liên quan. Tiếp tục rà soát, kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

1.6. Đổi mới công tác dân vận; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, cụ thể, sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền. Xây dựng, nhân rộng mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” ở các cấp; thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; thường xuyên đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân để lắng nghe, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, già làng, trưởng bản trong việc tuyên truyền, động viên các tầng lớp Nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy hệ thống dân vận các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả với các âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; xử lý tốt các mâu thuẫn, nổi cộm trên địa bàn, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Duy trì thực hiện tốt công tác tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện, không để phát sinh bức xúc, phức tạp, khiếu kiện đông người, vượt cấp. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác cải cách tư pháp.

Thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện nghiêm cơ chế phối hợp trong phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực qua công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực và thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, MTTQ, các đoàn thể, cơ quan báo chí và Nhân dân trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng

Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản của cấp ủy theo hướng bám sát thực tiễn, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ giám sát, có trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý, rõ ràng giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp; quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, áp đặt hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị; xây dựng, áp dụng các tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả, chất lượng tổ chức, hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp

Nâng cao vai trò, vị thế của Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa trong tham gia các hoạt động, các quyết định của Quốc hội; tăng cường gắn bó với cử tri, tích cực nắm bắt những vấn đề thực tiễn, cử tri quan tâm để kiến nghị, đóng góp vào xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tham gia quyết định các chính sách lớn, vấn đề quan trọng của đất nước.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp; nâng cao chất lượng công tác tiếp xúc cử tri, giám sát và ban hành nghị quyết; thường xuyên theo dõi, đôn đốc giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo của công dân và các kiến nghị của cử tri.

Đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý nhà nước, hướng tới hiệu quả, minh bạch, kiến tạo và phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Nâng

cao năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước của UBND các cấp, đặc biệt là cấp xã. Giải quyết hiệu quả khó khăn, vướng mắc, bất cập, tháo gỡ “điểm nghẽn” trong các lĩnh vực. Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan nhà nước của tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, điều động, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức giữa các xã, phường, tăng cường cán bộ các cơ quan cấp tỉnh cho cấp xã, đảm bảo hợp lý, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; khắc phục tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm, đùn đẩy trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thực thi công vụ.

3. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các đoàn thể, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của tỉnh

Tập trung đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp Nhân dân để chủ động tham mưu và tham gia giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, các vụ việc phát sinh, nổi cộm ở cơ sở; tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tích cực tham gia công tác cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh...

Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội để tuyên truyền đến đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tập hợp, đoàn kết, khơi dậy khát vọng đổi mới, sáng tạo, phát triển, tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào về quê hương, đất nước của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức hội vững mạnh, đội ngũ cán bộ làm công tác hội có phẩm chất, năng lực, uy tín, tâm huyết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong Kỷ nguyên mới.

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của MTTQ trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; tập hợp, vận động Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

II. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống và các động lực tăng trưởng mới, đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 02 con số, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng tăng trưởng

1.1. Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Khẩn trương quán triệt, triển khai, ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các luật mới được sửa đổi, bổ sung⁹⁴, các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp liên quan đến đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh; rà soát, trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, Quy hoạch chung KKT Nghi Sơn và các quy hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh; xây dựng quy hoạch các xã, phường để tạo không gian phát triển mới sau sắp xếp lại các đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật⁹⁵, các cơ chế chính sách của tỉnh theo hướng chuyển từ tư duy quản lý sang kiến tạo, phục vụ, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện, có tính đột phá, tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững.

1.2. Tạo đột phá về cải cách thủ tục hành chính, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hành động vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, khắc phục các hạn chế, yếu kém để nâng cao thứ hạng các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh⁹⁶. Tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết kịp thời, hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.

1.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống⁹⁷, nhất là đầu tư. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị về Phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đang

triển khai, đặc biệt là các dự án lớn, trọng điểm⁹⁸. Rà soát, đánh giá các dự án đầu tư công dở dang, trên cơ sở đó tiếp tục bố trí vốn để đầu tư hoàn thành đối với những dự án thực sự cần thiết, tránh lãng phí; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn xây dựng các khu tái định cư, các dự án chuyển tiếp để rút ngắn thời gian đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Tổ chức lựa chọn, ưu tiên bố trí vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án quan trọng, thực sự hiệu quả, có tính đột phá, có tác động lan tỏa lớn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng và cả tỉnh.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp kích cầu, ổn định giá cả, bảo vệ người tiêu dùng, khuyến khích tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế; tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, tìm kiếm thêm các thị trường xuất khẩu mới; hỗ trợ, tạo thuận lợi để doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử, liên kết với các doanh nghiệp quốc tế để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

1.4. Tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, nhất là khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thương mại điện tử, liên kết vùng để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng tăng trưởng; nghiên cứu xây dựng một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân ra diện rộng.

1.5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu, khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa; quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí cho đầu tư phát triển. Tăng cường vận động, thu hút các nguồn vốn ODA, vốn của các tổ chức phi chính phủ, vốn đầu tư theo phương thức PPP... để đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

1.6. Tập trung phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế; vận động, khơi dậy tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp của mọi người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các thành phần kinh tế tư nhân tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế,

nhất là vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ; khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và quốc tế.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc⁹⁹; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường; tăng cường hỗ trợ kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nhân lực.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp sạch, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn theo chuỗi giá trị

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; nhân rộng, mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực Tỉnh có lợi thế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị¹⁰⁰.

Khẩn trương xây dựng, phấn đấu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm 2026. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao¹⁰¹; nhân rộng các mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ¹⁰². Duy trì và nâng cao hiệu quả các vùng nguyên liệu gắn với chế biến đã có thị trường tiêu thụ ổn định¹⁰³; phát triển các loại cây ăn quả có lợi thế¹⁰⁴; tăng cường vận động, thu hút các dự án chế biến sâu gắn với quy hoạch, phát triển các vùng chuyên canh các cây trồng chủ lực tỉnh có lợi thế.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn môi trường. Quản lý chặt chẽ các dự án chăn nuôi lợn hiện có, yêu cầu khắc phục triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; chỉ chấp thuận các dự án mới trong chăn nuôi lợn khi đáp

ứng yêu cầu về môi trường và gắn với chế biến sâu. Chú trọng phát triển các mô hình chăn nuôi con đặc sản, chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, hiệu quả, an toàn, bền vững, nhất là ở khu vực miền núi.

Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng, phát triển cây dược liệu, cây dưới tán rừng¹⁰⁵. Tăng cường chế biến sâu các sản phẩm lâm nghiệp; ban hành cơ chế, chính sách để khuyến khích nhà đầu tư tham gia xây dựng vùng nguyên liệu tre, luồng ở khu vực miền núi; xây dựng, nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm “tre, luồng xứ Thanh” và “quế Thanh”.

Phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hướng mạnh đến xuất khẩu; đầu tư cải tạo, nâng cấp, nạo vét luồng vào để nâng cao hiệu quả các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền; thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Đổi mới mô hình, phương thức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, khối lượng hàng hóa lớn, có uy tín, thương hiệu mạnh để vươn tới các thị trường lớn trong nước và quốc tế.

2.2. Phát triển mạnh công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi Tỉnh có lợi thế

Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp hiện có cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao trình độ quản trị để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trước mắt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn¹⁰⁶. Hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động; xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao¹⁰⁷. Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày...); từ năm 2026, hạn chế, tiến tới dừng thu hút đầu tư mới các dự án may mặc, da giày tại khu vực đồng bằng và ven biển; khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực trung du, miền núi.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở theo hướng đô thị xanh, thông minh. Tiếp tục đổi mới dây chuyền công nghệ các dự án sản xuất vật liệu xây dựng; tập trung phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; khẩn trương thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng. Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội; xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp, công nhân, lao động, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định.

2.3. Phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn.

Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng kinh tế số, công nghệ hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa, ưu tiên thu hút phát triển du lịch, dịch vụ logistics, dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn¹⁰⁸. Tập trung phát triển 3 loại hình du lịch chính, gồm: du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; phát triển thêm các sản phẩm du lịch bổ trợ, các sản phẩm dịch vụ du lịch kết hợp để khắc phục tính mùa vụ của du lịch hiện nay¹⁰⁹. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch đang triển khai¹¹⁰; thu hút các dự án du lịch có quy mô lớn, dịch vụ mới, hấp dẫn¹¹¹, đưa Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước¹¹².

Phát triển dịch vụ logistics gắn với vận tải đa phương thức, nhất là kết nối vận tải đường bộ - đường biển nhằm đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa qua Cảng biển Nghi Sơn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I và các tổng kho dự trữ dầu thô, kho khí LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn; kêu gọi, thu hút đầu tư trung tâm logistics cấp tỉnh theo quy hoạch và trung tâm logistics tại khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.

Phát triển đồng bộ, hợp lý và tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, kho bảo quản, chợ đầu mối tại các khu vực đô thị lớn, trung tâm vùng, miền, Khu kinh tế Nghi Sơn; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ tại khu vực nông thôn.

3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo cơ sở thúc đẩy kết nối các vùng, miền, các trung tâm kinh tế động lực¹¹³

3.1. Tập trung bố trí vốn để tiếp tục đầu tư các dự án giao thông lớn, trọng điểm còn dở dang, đang tạm dừng thi công để nhanh chóng đưa vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí¹¹⁴. Sớm đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hóa, các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính của tỉnh với các nút giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông; tiếp tục đầu tư, cải tạo, mở rộng đường giao thông nông thôn và hệ thống cầu dân sinh ở khu vực miền núi.

Nghiên cứu phương án, huy động vốn đầu tư xây dựng mới các tuyến đường kết nối liên xã, liên vùng¹¹⁵, kết nối giữa Thanh Hóa với các tỉnh khu vực Tây Bắc, nước CHDCND Lào; nghiên cứu quy hoạch, xây dựng dự án đầu tư các tuyến giao thông kết nối để kịp thời phát huy hiệu quả đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh; đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Thọ Xuân, phấn đấu đến năm 2030 trở thành cảng hàng không quốc tế. Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng container, cảng chuyên dùng và nạo vét luồng tàu vào cảng để sớm hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn và các cảng biển theo quy hoạch¹¹⁶. Rà soát, lập quy hoạch Đảo Mê theo hướng kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê.

3.2. Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, trọng điểm, đảm bảo an toàn hồ, đập¹¹⁷; nghiên cứu lập dự án đầu tư hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa sông Lạch Trường và cửa sông Mã. Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư hệ thống công trình tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, tiêu thoát nước cho các đô thị¹¹⁸; các công trình hạ tầng khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản¹¹⁹.

3.3. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp¹²⁰, cụm công nghiệp¹²¹ đang triển khai; tiếp tục xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, kinh nghiệm để đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch¹²². Phân đầu đến năm 2030 lấp đầy các khu công nghiệp đang thực hiện đầu tư; có ít nhất 30 cụm công nghiệp đi vào hoạt động¹²³ và đạt tỉ lệ lấp đầy 70% diện tích trở lên.

3.4. Phát triển hệ thống hạ tầng điện bảo đảm nguồn cung cấp điện đầy đủ, liên tục, an toàn, hiệu quả. Tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án nguồn điện đã được quy hoạch, trọng tâm là các dự án: Nhiệt điện LNG Nghi Sơn, Điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án Điện khí LNG Công Thanh; khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ; phân đầu Thanh Hóa trở thành trung tâm năng lượng của cả nước.

3.5. Tập trung xây dựng, phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn thông tin mạng; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data). Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng viễn thông di động mặt đất 4G/5G, mạng Internet băng rộng cố định, có khả năng truy nhập tốc độ cao, phủ cập được tới tất cả các thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

3.6. Khẩn trương triển khai các thủ tục để đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học, và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn; ưu tiên đầu tư xây dựng các trường nội trú và nơi ở cho giáo viên vùng miền núi, dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh¹²⁴; tập trung huy động nguồn lực để đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, phát triển một số bệnh viện đa khoa khu vực; đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trung tâm y tế dự phòng, các trạm y tế cấp xã.

3.7. Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án để đầu tư hạ tầng các khu tái định cư phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất

tại khu vực miền núi; chủ động quy hoạch, bố trí đất để đầu tư xây dựng hạ tầng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đoạn qua Thanh Hóa và các dự án hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

4. Đẩy mạnh phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới; phát triển bền vững, hài hòa giữa các vùng, miền

4.1. Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững, giàu bản sắc xứ Thanh; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị cũ với phát triển các đô thị mới; xây dựng kế hoạch, phương án giải quyết từ sớm những vấn đề bức xúc của đô thị như: ngập lụt, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường do rác thải, nước thải... Nghiên cứu quy hoạch và lộ trình xây dựng Khu hành chính tập trung của tỉnh theo hướng thông minh, hiện đại. Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị, nhất là tại các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh; tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh, chỉnh trang các khu đô thị hiện có theo hướng văn minh, hiện đại; phát triển một số khu đô thị mới xanh, thông minh, hiện đại và thân thiện với môi trường.

4.2. Tiến hành rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn NTM đối với các xã mới thành lập. Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để tập trung thực hiện xây dựng NTM đối với khu vực miền núi; đẩy mạnh xây dựng NTM nâng cao, NTM hiện đại đối với khu vực đồng bằng và trung du; xây dựng thôn, bản NTM ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động hiến đất để đầu tư cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết cấu hạ tầng, trọng tâm là đường giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại và các phong trào thi đua, các mô hình hay, hiệu quả trong xây dựng NTM¹²⁵.

4.3. Phát triển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội, đảm bảo phát huy cao nhất vai trò, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực miền núi với vùng đồng bằng, ven biển. Đối với vùng miền núi, tập trung phát triển nông, lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với giữ dân, giữ đất, giữ rừng, bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, quốc phòng an ninh. Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du, gắn với phát huy vai trò của các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh; ưu tiên phát triển công nghiệp, nông nghiệp sạch, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, du lịch văn hóa, dịch vụ chất lượng cao. Phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với động lực chính là Khu kinh tế Nghi Sơn, khu vực

Sầm Sơn; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, trọng tâm là khai thác, nuôi trồng thủy sản trên biển; du lịch biển, đảo; vận tải biển; dịch vụ cảng biển; các ngành công nghiệp gắn với biển như: lọc hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản.

III. VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phát triển mạnh, vững chắc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trở thành động lực quan trọng, đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững

Triển khai quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch thực hiện các nghị quyết, quyết định, kế hoạch, đề án của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số¹²⁶. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực, trước hết là trong sản xuất, kinh doanh, y tế, giáo dục, môi trường, quản lý nhà nước và xã hội. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn; chú trọng đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao; sớm nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện khu công nghệ cao, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; phấn đấu Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập; xây dựng Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa thành các trung tâm đào tạo và nghiên cứu lớn của khu vực Miền Trung; nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học - công nghệ. Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ.

Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, tập trung vào các công nghệ điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, cùng với xây dựng và hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, chính quyền số; xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ, xã hội số, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các ngành, lĩnh vực.

2. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện các lĩnh vực văn hóa, thể thao

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới. Tăng cường quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; xây dựng lộ trình, từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiệu quả, bền vững.

Đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể dục, thể thao quần chúng để nâng cao sức khỏe, tuổi thọ, phòng tránh bệnh tật cho Nhân dân và phát triển thể lực, tầm vóc, lành mạnh hóa lối sống cho thanh thiếu niên. Tập trung phát triển lực lượng vận động viên ở các môn thể thao trong chương trình Đại hội thể thao toàn quốc, Đại hội thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội thể thao thế giới Olympic, phấn đấu giữ vững vị trí nhóm đầu về thể dục, thể thao của cả nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh, tổ chức dịch vụ thể dục, thể thao, hình thành và phát triển kinh tế thể thao, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế của tỉnh.

3. Phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, nâng cao tính ứng dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, phát triển con người toàn diện

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Tập trung đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực, phẩm chất, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật cho học sinh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy và học. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là khu vực miền núi, dân tộc và các nhóm đối tượng yếu thế. Duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước. Chú trọng công tác định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh ngay từ bậc học phổ thông.

Tiến hành rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường học phù hợp với sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở; hình thành và phát triển hệ thống cơ

sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập; triển khai xây dựng một số mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả. Tập trung khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học; nghiên cứu xây dựng cơ chế thu hút sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở các trường đại học sư phạm hàng đầu về dạy học tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục tư nhân hoạt động hiệu quả.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân để xây dựng xã hội số bao trùm, toàn diện. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; khuyến khích xây dựng các cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu vực phát triển của tỉnh.

4. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu; tăng cường chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật từ bệnh viện tuyến trên cho tuyến dưới; thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm phát triển y học công nghệ cao, chuyên sâu. Thực hiện hiệu quả Đề án chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2030, 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện được các kỹ thuật theo danh mục phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền. Đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ trong các bệnh viện công lập. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ y tế, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn; tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh được phẩm, hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, phục vụ người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế; vận dụng linh hoạt, sáng tạo cơ chế, chính sách để thu hút nguồn nhân lực y tế trình độ cao vào làm việc trên địa bàn tỉnh; chú trọng đào tạo nhân lực địa phương cho các cơ sở y tế ở miền núi, đào tạo chuyển giao kỹ thuật kết hợp liên kết đào tạo với các bệnh viện của tỉnh, của Trung ương để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ y tế trong tỉnh.

5. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Nâng cao chất lượng dự báo, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm; thúc đẩy tìm kiếm, mở rộng thị trường lao động ngoài nước. Khuyến khích liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề, gắn với tuyển dụng lao động. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; khắc phục tình trạng chậm đóng, nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp. Phát triển bền vững BHYT toàn dân, phần đầu tỉ lệ dân số tham gia BHYT năm 2030 đạt 95% trở lên.

Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần củng cố, tăng cường tinh thần đoàn kết, tương trợ phát triển và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

6. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật; sớm hoàn thành Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khảo sát, cấp phép, khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến khoáng sản, đảm bảo sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao¹²⁷, kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở sản xuất, chăn nuôi không đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư. Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, các khu, điểm du lịch trọng điểm. Triển khai thực hiện quyết liệt các quy định của pháp luật về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trọng điểm, đảm bảo trong năm 2025 đưa vào hoạt động nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam, năm 2026 đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Minh và khởi công xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cấp, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; chủ động triển khai các phương án, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

IV. VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chiến lược, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ

Tổ quốc và công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Nâng cao sức mạnh tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội; bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển, biên giới và các hoạt động kinh tế biển; sẵn sàng tham gia ứng phó hiệu quả với các tình huống an ninh phi truyền thống xảy ra trên địa bàn. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tăng cường bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, kịp thời giải quyết triệt để các vụ việc phức tạp, không để hình thành “điểm nóng”. Chủ động đấu tranh, trấn áp, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm; kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án xã, phường không có ma túy. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống cháy nổ; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kéo giảm các tai nạn cháy nổ, tai nạn giao thông cả về số vụ, số người bị thương và số người chết. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an Thanh Hóa thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”. Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng Công an xã chính quy, thực sự là lực lượng nòng cốt, gần dân, sát dân, giải quyết kịp thời các vấn đề an ninh trật tự ngay từ cơ sở.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, ngoại giao kinh tế, hội nhập quốc tế; nâng cao hiệu quả hợp tác với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước

Triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tham gia vào quá trình hội nhập, thụ hưởng các lợi ích từ hội nhập. Duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác và thực hiện tốt các thỏa thuận hợp tác đã ký với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác

đối ngoại với xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại nước ngoài; chú trọng nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.

Tiếp tục thiết lập quan hệ hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và các địa phương trong cả nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, thiết thực, hiệu quả, cùng có lợi. Tăng cường phối hợp, hợp tác với các địa phương trong thực hiện liên kết vùng, nhất là trong xây dựng quy hoạch; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; xúc tiến đầu tư và thương mại; sản xuất nông sản hàng hóa; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

* *

*

Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng vẻ vang của quê hương; tranh thủ tốt thời cơ, thuận lợi, chủ động vượt qua khó khăn thách thức; quyết tâm thực hiện thắng lợi, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đề ra; góp phần cùng cả nước vững vàng bước vào Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Văn phòng và các Ban Trung ương Đảng (b/c),
- Các đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX,
- Các Tiểu ban Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Doãn Anh

CHÚ THÍCH

¹ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa.

² Như: chất lượng, khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm hạn chế; hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở khu vực miền núi, hạ tầng KCN, cụm công nghiệp còn thiếu đồng bộ và yếu kém; chất lượng nguồn nhân lực thấp; năng lực khoa học, công nghệ hạn chế; thiếu giáo viên; nợ đọng BHXH, BHYT ở các doanh nghiệp...

³ Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 19 nghị quyết, 15 quy định và quy chế, 28 chỉ thị, 75 chương trình, 240 kế hoạch, 3.502 kết luận.

⁴ Toàn tỉnh đã giảm 28 đảng bộ và thành lập mới 168 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; giảm 02 ban thuộc Tỉnh ủy và 11 đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; thành lập Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trên cơ sở hợp nhất 05 tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh về trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, giảm 16 phòng, ban và 01 đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; giảm 06 sở và tương đương; sáp nhập, kết thúc hoạt động của 27 đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, thành lập 166 xã, phường mới, giảm 393 xã, phường, thị trấn so với đầu nhiệm kỳ; giảm 08 chi cục và ban thuộc sở, 88 phòng thuộc ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; kết thúc hoạt động của 26 Ủy ban MTTQ cấp huyện, 547 Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và thành lập 166 Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường; giảm 126 ban, đoàn thể, phòng cấp huyện. Giảm 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; giảm 270 đơn vị sự nghiệp trực thuộc ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND cấp huyện; giảm 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc chi cục, 01 tổ chức tài chính thuộc chi cục, 51 phòng thuộc chi cục và tương đương.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh đã giảm được 2.565 biên chế công chức và 4.278 biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó: Có 2.242 người nghỉ hưu trước tuổi sau sắp xếp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW.

⁵ Đến nay, toàn tỉnh có 1.391 tổ chức cơ sở đảng (gồm 954 đảng bộ cơ sở, 437 chi bộ cơ sở), giảm 71 tổ chức cơ sở đảng so với đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

⁶ Trong đó, đã rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng 1.552 đảng viên.

⁷ Trong nhiệm kỳ có 95% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

⁸ Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh đã có 33.415 lượt cán bộ được đưa vào quy hoạch; giới thiệu 01 đồng chí quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; đề nghị phê duyệt quy hoạch chức danh Bí thư Tỉnh ủy cho 06 lượt cán bộ; chức danh phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cho 28 lượt cán bộ.

⁹ Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh đã cử 1.472 lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo về chuyên môn; cử 3.605 lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo về lý luận chính trị; mở 1.009 lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho 98.269 lượt cán bộ.

¹⁰ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã điều động, bổ nhiệm, luân chuyển 612 lượt cán bộ (thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy 84 lượt cán bộ); đã bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử 11.921 đồng chí (228 đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

¹¹ Toàn tỉnh đã bố trí 24/27 bí thư, 22/27 chủ tịch UBND cấp huyện không phải người địa phương; 550/558 xã, phường, thị trấn (98,56%) thực hiện bố trí ít nhất đồng chí bí thư hoặc chủ tịch UBND không là người địa phương.

¹² Từ năm 2020 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đã thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị cho 94.120 trường hợp.

¹³ Trong đó, đã chú trọng kiểm tra việc xây dựng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc; việc lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; việc thực hiện các chương trình trọng tâm, khâu đột phá theo nghị quyết đại hội đảng các cấp

nhiệm kỳ 2020 - 2025; việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; công tác cán bộ, quản lý, sử dụng đất đai, tài chính, ngân sách; thực hiện các dự án đầu tư; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác quân sự - quốc phòng; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...

¹⁴ Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 6.766 tổ chức đảng cấp dưới và 18.992 đảng viên; giám sát 7.397 tổ chức đảng và 21.951 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 100 tổ chức đảng và 2.938 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm (có 790 cấp ủy viên), kết luận 66 tổ chức đảng và 2.664 đảng viên có vi phạm. Cấp có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật 47 tổ chức đảng¹⁴ và 3.789 đảng viên¹⁴ có vi phạm.

¹⁵ Ban Chỉ đạo tỉnh đã đưa 20 vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực vào diện theo dõi, chỉ đạo. Đến nay, đã giải quyết xong và đưa ra khỏi diện theo dõi chỉ đạo đối với 13 vụ việc, vụ án; còn 07 vụ (02 vụ việc, 05 vụ án) đang chỉ đạo tập trung xác minh, điều tra xử lý theo quy định.

¹⁶ Cơ quan chức năng đã khởi tố, điều tra 91 vụ, 243 bị can về tội tham nhũng, chức vụ; kết thúc điều tra đề nghị truy tố 69 vụ, 178 bị can; đã xét xử 19 vụ, 39 bị cáo; thu hồi 70,64 tỉ đồng liên quan đến tham nhũng, chức vụ.

¹⁷ Trong nhiệm kỳ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã thực hiện 18.097 cuộc giám sát, 4.450 cuộc góp ý, phản biện vào dự thảo các nghị quyết của HĐND, các chương trình, dự án, kế hoạch của UBND các cấp.

¹⁸ Trong đó: Hội Cựu chiến binh đạt 98%, Hội Liên hiệp Phụ nữ đạt 82%, Hội Nông dân đạt 95,5%, Đoàn Thanh niên đạt 70%, Liên đoàn Lao động đạt 95%.

¹⁹ Trong đó: Năm 2021 đạt 9,67%; năm 2022 đạt 11,53%; năm 2023 đạt 6,93%; năm 2024 đạt 12,16%; năm 2025 ước đạt 11%.

²⁰ Sau các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Hải Phòng và Quảng Ninh.

²¹ Cao nhất các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

²² Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 chiếm 12%, giảm 5,3% so với năm 2020; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 51%, tăng 9,2%; ngành dịch vụ chiếm 30%, giảm 3,9%; thuế sản phẩm giữ ở mức 7%.

²³ Trong nông, lâm nghiệp và thủy sản, tỉ trọng nông nghiệp giảm từ 69,1% năm 2020 xuống 65,2% năm 2025; tỷ trọng lâm nghiệp tăng từ 7,9% lên 10,3%; tỷ trọng thủy sản tăng từ 23% lên 24,5%. Trong ngành công nghiệp, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 79,4%, tăng 4,2% so với năm 2020. Trong lĩnh vực dịch vụ: tăng các tỷ trọng dịch vụ công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch...

²⁴ Năm 2025 chiếm 23,7% GRDP, tăng 10% so với năm 2020.

²⁵ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 10,4%, vượt mục tiêu Đại hội (9,6%).

²⁶ Chỉ số TFP năm 2025 đạt 40%, cao hơn so với năm 2020 (37,7%). Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giảm từ 9,74 lần bình quân giai đoạn 2016 - 2020 xuống còn 5,85 lần bình quân giai đoạn 2021 - 2025.

²⁷ Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của các huyện, thị xã, thành phố thuộc 4 trung tâm kinh tế động lực ước đạt 13,63%, cao hơn bình quân chung của tỉnh (11,41%); năm 2025, quy mô giá trị sản xuất chiếm 67,2% tổng giá trị sản xuất của tỉnh, tăng 7,5% so với năm 2020.

²⁸ Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng bình quân hằng năm 15,3%, trong đó có một số sản phẩm sản lượng dẫn đầu cả nước như: lọc hóa dầu, thép, xi măng. Đã hình thành một số vùng, mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị; các sản phẩm chăn nuôi chủ lực, sản phẩm có lợi thế phát triển mạnh. Du lịch có bước phát triển đột phá.

²⁹ Như: Đường bộ ven biển và các tuyến đường nối với đường cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hóa; Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A; đường nối

Trung tâm thành phố Thanh Hóa với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường Vạn Thiện đi Bến En; đường nối Quốc lộ 1A và Quốc lộ 45 từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa...

³⁰ Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 3,81%, vượt mục tiêu Đại hội. Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 01 ha canh tác năm 2025 ước đạt 125 triệu đồng, cao hơn 34,6 triệu đồng so với năm 2020.

³¹ Lần đầu tiên tỉnh ta có sản phẩm Vải không hạt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Vương quốc Anh; sản phẩm Gạo Japonica xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản...

³² Đàn trâu xếp thứ 2, đàn lợn xếp thứ 3, đàn gia cầm xếp thứ 4, đàn bò xếp thứ 5 cả nước.

³³ Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ước đạt 54%, đạt mục tiêu Đại hội.

³⁴ Đã đưa vào hoạt động một số dự án chăn nuôi quy mô lớn như: Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện; Chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp; khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO...

³⁵ Như: Chuỗi liên kết của Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk); Công ty Sữa TH True Milk, Công ty CP nông sản Phú Gia - VietAvis; Công ty CP thực phẩm Việt Hưng...

³⁶ Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 14,15%, cao hơn mục tiêu Đại hội.

³⁷ Như: Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Nhà máy Xi măng Đại Dương 1, Dây chuyền 3 Nhà máy Xi măng Long Sơn; Trạm nghiền xi măng Long Sơn; Nhà máy Sản xuất bao bì của Công ty Miza; Nhà máy Công nghiệp SAB Việt Nam; Nhà máy Sản xuất thực phẩm đóng hộp từ thủy sản Lê Gia; các nhà máy may mặc, da giày...

³⁸ Như: các sản phẩm của làng nghề đúc đồng Trà Đông, xã Thiệu Trung (huyện Thiệu Hóa); Làng nghề dệt chiếu và đồ thủ công mỹ nghệ từ cội tại huyện Nga Sơn và huyện Quảng Xương; Nghề đá mỹ nghệ làng Mai, xã Minh Tân (huyện Vĩnh Lộc); Làng nghề nước mắm Ba Làng, phường Hải Thanh (thị xã Nghi Sơn)...

³⁹ Các khu, điểm du lịch như: Quảng trường biển, Công viên nước SunWorld tại thành phố Sầm Sơn; Flamingo Ibiza Hải Tiến, Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái LAMORI Resort & Spa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân... Các sản phẩm du lịch mới như: Tour du lịch Đảo Mê, Đảo Nê, dù lượn tại khu du lịch Hải Tiến...

⁴⁰ Lũy kế đến nay, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh đứng thứ 9 cả nước về số vốn đầu tư.

⁴¹ UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026.

Giai đoạn 2021 - 2025, ước tính có trên 17.600 doanh nghiệp được thành lập mới (vượt mục tiêu Đại hội);

⁴² Từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh đã thành lập mới 265 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh lên 1.348.

⁴³ Một số dự án có quy mô lớn như: Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn tại KKT Nghi Sơn (TMĐT 5.500 tỉ đồng), Nhà máy sản xuất ván tre OSB staBOO Thanh Hóa tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước (TMĐT 3.199 tỉ đồng), Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương tại KKT Nghi Sơn (TMĐT 1.098 tỉ đồng), Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn (TMĐT 868 tỉ đồng), Nhà máy ứng dụng công nghệ cao sản xuất sản phẩm tre luồng tại thị trấn Lang Chánh (TMĐT 800 tỉ đồng), Nhà máy dệt may tại cụm công nghiệp Thái - Thắng, huyện Hoằng Hóa (TMĐT 45,8 triệu USD)...; các dự án của Tập đoàn Xuân Thiện với tổng vốn đầu tư khoảng 10.000 tỉ đồng; Trung tâm thương mại Aeon Mall Thanh Hóa tại phường Quảng Thành, TP Thanh Hóa (TMĐT 180,5 triệu USD), Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương (TMĐT 1.616 tỉ đồng); Thủy điện Sông Âm tại các huyện Lang Chánh và Bá Thước (TMĐT 483 tỉ đồng)...

⁴⁴ Từ năm 2021 đến nay, thu hút được 03 dự án ODA với tổng vốn đầu tư 2.054,72 tỉ đồng; thu hút 58 chương trình, dự án, phi dự án với tổng vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 18,8 triệu USD.

⁴⁵ Năm 2021 xếp thứ 8, năm 2022 xếp thứ 9, năm 2023 và năm 2024 xếp thứ 8 cả nước.

⁴⁶ Đã hoàn thành, đưa vào sử dụng một số dự án lớn như: Đường giao thông nối thành phố Sầm Sơn với Khu kinh tế Nghi Sơn; tuyến đường Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A; đường nối Trung tâm thành phố Thanh Hóa với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường Vạn Thiện đi Bến En; đường nối Quốc lộ 1A và Quốc lộ 45 từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa...

⁴⁷ Đã đưa vào hoạt động KCN số 1 - KKT Nghi Sơn; KCN Bim Sơn (Nam Khu A); đang triển khai đầu tư xây dựng, hoàn thiện các dự án gồm: KCN Luyện kim, KCN số 3, KCN Đồng Vàng, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Bim Sơn (Bắc khu A và Khu B); đã chấp thuận chủ trương đầu tư các KCN, gồm: KCN Phú Quý, KCN phía Tây thành phố Thanh Hóa, KCN Giang Quang Thịnh, KCN được phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ.

Trong nhiệm kỳ có thêm 21 cụm công nghiệp được thành lập mới, nâng tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 46 cụm với tổng diện tích 1.640,29 ha.

⁴⁸ Trước khi kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp lại các xã, phường theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, toàn tỉnh có 15 đơn vị cấp huyện, 374 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 83,3%); trong đó, có 04 huyện và 125 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 33,4%); 33 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 8,8%), vượt mục tiêu Đại hội.

⁴⁹ Từ năm 2021 đến nay, đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trên 3.598 km đường giao thông nông thôn, 1.042 km kênh mương và rãnh thoát nước, 339 công trình thủy lợi, 3.495 phòng học, 1.682 km đường điện, 418 trạm biến áp, 85 trung tâm văn hóa - thể thao xã, 1.052 nhà văn hóa thôn, 92 chợ nông thôn, 105 trạm y tế xã, 46 công sở xã, 97 công trình cấp nước sinh hoạt, 65 công trình bãi chứa rác thải tập trung; xây dựng mới và chỉnh trang trên 60.000 nhà ở dân cư.

⁵⁰ Giai đoạn 2021 - 2025 đã triển khai 253 nhiệm vụ khoa học - công nghệ, trong đó có nhiều nhiệm vụ được áp dụng, phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

⁵¹ **Về chính quyền số:** Đã thực hiện việc trao đổi, xử lý văn bản hồ sơ trên môi trường mạng liên thông giữa các cơ quan khối Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cả 3 cấp; 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết trực tuyến toàn trình được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và trên các phương tiện truy cập; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử... **Về kinh tế số:** Tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tổng quy mô kinh tế của tỉnh ngày càng tăng, năm 2021 đạt 6,1%; năm 2022 đạt 8,3%; năm 2023 đạt 10,7%; năm 2024 đạt 15,6%; năm 2025 ước đạt 18,7%. Đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo, y tế, văn hóa, du lịch..., góp phần tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Toàn tỉnh có 6.500 doanh nghiệp chuyển đổi số, chiếm 31% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. **Về xã hội số:** Đã triển khai làm thẻ Căn cước gắn chip, cài đặt phần mềm VneID trên thiết bị di động thông minh để thuận tiện cho người dân trong các giao dịch cơ bản; đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ số, như: dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ y tế, giáo dục, giao thông, thông tin bất động sản, việc làm, các tiện ích thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ... Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên theo quy định có tài khoản điện tử đạt 82%; có 154 xã, phường, thị trấn hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã, đạt 27,6%.

⁵² Chỉ số DTI của tỉnh Thanh Hóa: Năm 2021 đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố; năm 2022 đứng thứ 15; năm 2023 và năm 2024 đứng thứ 9.

⁵³ Có hơn 200 dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi chống xuống cấp di tích được thực hiện.

⁵⁴ Tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa năm 2025 ước đạt 83,5%, tăng 6,5% so với năm 2020; tỉ lệ thôn, bản, tổ dân phố được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" năm 2025 ước đạt 82,5%, tăng 3,5%; tỉ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu năm 2025 ước đạt 24,25%, vượt mục tiêu Đại hội.

⁵⁵ Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 42,8% năm 2020 lên 45% năm 2025; một số môn thể thao mới được đông đảo Nhân dân tham gia tập luyện như: Thể thao dân vũ, bóng chuyền hơi, pickleball...

⁵⁶ Câu lạc bộ bóng đá Đồng Á Thanh Hóa 02 lần liên tiếp vô địch Cúp quốc gia các năm 2023 và 2024.

⁵⁷ Từ năm 2021 đến nay học sinh của tỉnh đã đoạt 09 huy chương tại các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế (gồm: 05 HCB, 04 HCD); các kỳ thi học sinh giỏi THPT toàn quốc, Thanh Hóa luôn trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu. Năm 2023 lần đầu tiên tỉnh Thanh Hóa có học sinh đoạt giải Nhất cuộc thi chung kết Đường lên đỉnh Olympia.

⁵⁸ Năm 2021, tỉnh Thanh Hóa có điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp đạt 6,36 xếp thứ 32 toàn quốc (tăng 12 bậc so với năm 2020); năm 2022, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,347 điểm, xếp ở vị trí thứ 27 toàn quốc; năm 2023, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,47 điểm, xếp ở vị trí thứ 21 toàn quốc; năm 2024, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,82 điểm, xếp ở vị trí thứ 18 toàn quốc.

⁵⁹ Toàn tỉnh có 05 cơ sở giáo dục đại học; 66 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giảm 26 cơ sở giáo dục nghề nghiệp so với năm 2020.

⁶⁰ Đã huy động được 580 tỉ đồng để xây dựng 10 cơ sở giáo dục ngoài công lập và 62,8 tỉ đồng để cải tạo, trang bị thiết bị dạy học cho các trường công lập.

⁶¹ Tỷ lệ mắc và tử vong do Covid-19 của tỉnh thuộc nhóm thấp trong toàn quốc (tỷ lệ mắc tại tỉnh 5,3%, cả nước 11,7%; tỷ lệ tử vong 0,036%, cả nước 0,4%).

⁶² Đến năm 2025, số giường bệnh/vận dân ước đạt 44 giường, tăng 8 giường so với năm 2020; số bác sỹ/vận dân ước đạt 13 bác sỹ, tăng 2 bác sỹ; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế ước đạt 100%, tăng 5%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT ước đạt 95%, tăng 5%.

⁶³ Từ năm 2021 đến nay, đã thành lập mới và đưa vào hoạt động 4 bệnh viện tư nhân, nâng tổng số bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh lên 20 bệnh viện (12 bệnh viện đa khoa và 8 bệnh viện chuyên khoa).

⁶⁴ Năm 2025, tỷ lệ lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản còn 29,9%, giảm 10% so với năm 2020.

⁶⁵ Năm 2025 ước đạt 75%, tăng 5% so với năm 2020; trong đó có văn bằng chứng chỉ ước đạt 30%, tăng 4,9% so với năm 2020.

⁶⁶ Tỉnh đã hỗ trợ cho trên 15.200 lượt người sử dụng lao động và trên 748.000 lượt người lao động, với tổng kinh phí thực hiện trên 1.374 tỉ đồng.

⁶⁷ Đến nay, toàn tỉnh đã hỗ trợ xây dựng hoàn thành 14.780 ngôi nhà cho các đối tượng.

⁶⁸ Kết quả thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh: Năm 2021, đạt 92,1%; Năm 2022, đạt 65,7%; Năm 2023, đạt 93,4%; Năm 2024, đạt 102,95%; Năm 2025, dự kiến đạt 100%.

⁶⁹ Như: Sự cố cá chết trên sông Bưởi, sông Bạng, sông Âm, sông Gòng; ngao chết ở Hậu Lộc, Quảng Xương...

⁷⁰ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 ước đạt 92,1%, vượt mục tiêu Đại hội; tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 96%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%, đạt mục tiêu Đại hội.

⁷¹ Hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 22 công trình chiến đấu, công trình phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện.

⁷² Bình quân hằng năm có 80% khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt mục tiêu Đại hội.

⁷³ Từ năm 2021 đến nay, đã triệt xóa một số tổ chức tín dụng đen hoạt động với quy mô liên tỉnh, đường dây đánh bạc “ngàn tỷ”, đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn, các băng nhóm tội phạm lâu năm. Đã khởi tố 4.559 vụ, 9.133 bị can phạm tội về trật tự xã hội; khởi tố 487 vụ, 1.084 bị can phạm tội về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường. Điều tra xử lý 2.335 vụ, 3.967 đối tượng; khởi tố 1.944 vụ, 3.486 đối tượng tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy. Vận động đầu thú, thanh loại 371 đối tượng truy nã.

⁷⁴ Thành phố Seongnam (Hàn Quốc), tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức), tỉnh Farwaniyah (Cô Oét)

⁷⁵ Tỉnh Niigata (Nhật Bản).

⁷⁶ Xúc tiến việc thiết lập quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố ở một số nước Châu Âu, Australia, New Zealand, Trung Quốc, Singapore...

⁷⁷ Phối hợp tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại lớn như: các hoạt động kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc, 50 năm Việt Nam - Nhật Bản, Hội nghị hợp tác du lịch Việt Nam - Đài Loan lần thứ 10 tại tỉnh Thanh Hóa, Tuần lễ văn hóa hữu nghị Thanh Hóa - Hòa Phần...

⁷⁸ Đã xây dựng và triển khai kế hoạch hợp tác phát triển giai đoạn 2021 - 2025 với Thành phố Hà Nội; ký kết biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác phát triển với các tỉnh: Nghệ an, Hà Tĩnh và Thành phố Hồ Chí Minh.

⁷⁹ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị “Về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

⁸⁰ Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW.

⁸¹ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa.

⁸² Như: Nghị quyết số 134/2024/NĐ-CP ngày 21/10/2024 của Chính phủ; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022, số 14/2022/QĐ-TTg ngày 25/5/2022 và số 15/2022/QĐ-TTg ngày 27/5/2022.

⁸³ Như: Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040...

⁸⁴ Gồm: (i) *Chính sách về định mức phân bổ chi thường xuyên*: Hằng năm (2022, 2023, 2024) tỉnh đã được phân bổ thêm 45% số chi ngân sách tính theo định mức phân bổ dân số quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và đã được HĐND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng trong dự toán chi ngân sách địa phương hằng năm của tỉnh. (ii) *Chính sách để lại tăng thu từ xuất, nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn*: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2024/NĐ-CP ngày 21/10/2024 về chính sách tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa. Năm 2023, tỉnh Thanh Hóa đã được ngân sách Trung ương phân bổ trở lại 3.000 tỉ đồng để thực hiện theo chính sách đặc thù; trên cơ sở đó, HĐND tỉnh đã phân bổ số kinh phí nêu trên để thực hiện 23 dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, di dân, tái định cư trong Khu kinh tế Nghi Sơn. (iii) *Chính sách ủy quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh*: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha. Đến nay, HĐND tỉnh đã chấp thuận chuyển mục đích sử dụng 721,73 ha đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên sang mục đích khác để thực hiện 31 dự án trên địa bàn tỉnh theo chính sách đặc thù. (iv) *Chính sách ủy quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác*: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2022/QĐ-TTg ngày 25/5/2022 quy định thí điểm trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho HĐND tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh chưa có dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 14/2022/QĐ-TTg ngày 25/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. (v) *Chính sách quản lý quy hoạch*: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 15/2022/QĐ-TTg ngày 27/5/2022 quy định về thí điểm phân cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh Thanh Hóa. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn và thống nhất chủ trương nghiên cứu, lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040 theo chính sách đặc thù.

⁸⁵ Gồm: Chính sách về phí, lệ phí (chưa xác định được loại phí, lệ phí cần điều chỉnh và tính khả thi chưa cao); Chính sách về mức dư nợ vay (do tỉnh chưa có nhu cầu vay vốn ngân sách tại thời điểm này) và Chính sách thu từ xử lý nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (do chưa phát sinh trường hợp bán tài sản công của cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh).

⁸⁶ Có 11/14 chỉ tiêu dự kiến đạt và vượt kế hoạch, gồm: Tốc độ tăng thu ngân sách hàng năm; Tổng giá trị xuất khẩu; Tỷ lệ đô thị hóa; Xây dựng nông thôn mới; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm; Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội; Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo; Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm; Tỷ lệ che phủ rừng; Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý. Có 03/14 chỉ tiêu chủ yếu dự kiến không đạt kế hoạch, gồm: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm; GRDP bình quân đầu người; Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội.

⁸⁷ Như: Nhà máy xi măng Đại Dương; Dây chuyền 3 Nhà máy Xi măng Long Sơn; Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang - Nghi Sơn...

⁸⁸ Toàn tỉnh có 43.500 doanh nghiệp được thành lập; tuy nhiên chỉ có khoảng 21.500 doanh nghiệp đang hoạt động (chiếm 49,4%), chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

⁸⁹ Như: Tuyến đường bộ ven biển, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Đồng Vàng, KCN số 3 trong Khu kinh tế Nghi Sơn; CCN Đông Văn; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Thọ Minh; Khu du lịch sinh thái Tân Dân; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên; Sân golf tại xã Quảng Nham...

⁹⁰ Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 17.507 dự án chưa hoàn thành với số vốn còn thiếu khoảng 60.000 tỉ đồng.

⁹¹ Trên địa bàn hiện có khoảng 17.177 được giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền từ năm 1980 đến nay, với 17.177 trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích khoảng 1.102,75 ha.

⁹² Gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

⁹³ Theo tinh thần Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 126-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp...

⁹⁴ Như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu thầu, Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi)...

⁹⁵ Phần đầu hoàn thành rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong tháng 2/2027.

⁹⁶ Như: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

⁹⁷ Bao gồm: đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng.

⁹⁸ Có Phụ lục số 03 kèm theo.

⁹⁹ Có Phụ lục số 04 kèm theo.

¹⁰⁰ Đến năm 2030, **lĩnh vực trồng trọt**: diện tích sản xuất nông sản sạch đạt 20.000 ha (sản xuất hữu cơ 2.000 ha; sản xuất công nghệ cao 5.000 ha; sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP và tương đương 4.000 ha;

sản xuất đảm bảo đủ điều kiện ATTP theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT đạt 9.000 ha). **Lĩnh vực chăn nuôi:** có 40% tổng đàn gia cầm, 55% tổng đàn lợn, 10% đàn bò được chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, 100% các trang trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế GlobalGAP, 80% các trang trại chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt theo VietGAHP, chăn nuôi an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh. **Lĩnh vực lâm nghiệp:** Có 34.600 ha diện tích sản xuất lâm nghiệp theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và tương đương. **Lĩnh vực thủy sản:** diện tích sản xuất thủy sản sạch đạt 8.000 ha (sản xuất hữu cơ đạt 500 ha tôm sú; sản xuất công nghệ cao đạt 600 ha tôm thẻ chân trắng; sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP và tương đương đạt 900 ha tôm và thủy sản nước ngọt; sản xuất đảm bảo đủ điều kiện ATTP đạt 6.000 ha ngao, tôm cá).

¹⁰¹ Có Phụ lục số 05 kèm theo.

¹⁰² Gồm: Mô hình lúa - cá 350 ha; mô hình lúa - rươi 100 ha; mở rộng sản xuất các loại lúa nếp đặc sản như: nếp Cay Nội 1.000ha, nếp hạt cau 1.800ha.

¹⁰³ Trong đó: Diện tích mía nguyên liệu 14.500 ha (có 8.000 ha sản xuất theo hướng giảm phát thải, tạo tín chỉ các-bon); diện tích sắn 12.750 ha; diện tích cói 1.500 ha.

¹⁰⁴ Đến năm 2030, phát triển vùng trồng cam Vân Du 500 ha; bưởi Luận Văn 120 ha; vải Ngọc 100 ha; thanh long ruột đỏ 100 ha; na 40 ha.

¹⁰⁵ Trong đó: Duy trì ổn định diện tích rừng gỗ lớn 56.000 ha; thâm canh rừng tre, luồng, vầu 10.780 ha; phát triển thêm 23.300 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC, PEFC, tập trung tại khu vực miền núi; bảo tồn, mở rộng vùng trồng cây Quế Ngọc 1.400 ha; phát triển cây dược liệu dưới tán rừng 300 ha.

¹⁰⁶ Như: Tổ hợp hóa chất Đức Giang; các nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2, DST Nghi Sơn; nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương; Nhà máy Intco Medical Việt Nam; nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam; các nhà máy xi măng Long Sơn, Đại Dương...

¹⁰⁷ Như: công nghiệp chip bán dẫn; công nghiệp robot; trí tuệ nhân tạo; vật liệu mới, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp sinh học; công nghiệp công nghệ số; công nghiệp ô tô; công nghiệp dược phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp...

¹⁰⁸ Như: viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, dịch vụ bất động sản, các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao...

¹⁰⁹ Như: du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá biển đảo, hội nghị, hội thảo, sân golf...

¹¹⁰ Như: Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên; Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại tại xã Quảng Nham; Khu du lịch Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dưỡng lão, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Công viên chuyên đề tại Sầm Sơn, Khu di tích lịch sử, danh thắng Am Tiên, Khu du lịch sinh thái Tân Dân...

¹¹¹ Như: Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ; Quần thể du lịch Am Tiên; Khu du lịch sinh thái Trường Lâm; Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại xã Hà Long; Khu du lịch sinh thái Đảo Mê.

¹¹² Phần đầu đến năm 2030, tổng lượt khách du lịch đạt 21,5 triệu lượt khách (trong đó, khách quốc tế đạt 1,6 triệu người); tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 94.200 tỉ đồng.

¹¹³ Có Phụ lục số 06 kèm theo.

¹¹⁴ Như: Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến Đường tỉnh 514; Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân; Dự án đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân; Dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn; Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)...

¹¹⁵ Như: Đường giao thông kết nối liên vùng từ tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Hòa Bình; đường vành đai 3 nhánh Đông...

¹¹⁶ Như: Lạch Sung, Quảng Châu, Quảng Nham - Hải Châu.

¹¹⁷ Như: Dự án thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã; các hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa Sông Mã và cửa sông Lạch Trường; hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu...

¹¹⁸ Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng; nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhơ; nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý; đầu tư hệ thống công trình tăng cường khả năng tiêu thoát của các đô thị lớn...

¹¹⁹ Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc. Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn; các xã Hoàng Yên, Hoàng Phong, Hoàng Lưu, Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa; xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.

¹²⁰ Như: KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Phú Quý, KCN phía Tây thành phố Thanh Hóa, KCN Giang Quang Thịnh, các KCN trong Khu kinh tế Nghi Sơn như: KCN Đồng Vàng, KCN Luyện Kim, KCN số 3...

¹²¹ Như: CCN Đông Văn; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Thọ Minh...

¹²² Như: KCN Bắc Hoàng Hóa; KCN Tượng Lĩnh, Nông Cống; KCN Hà Long, huyện Hà Trung; KCN Lưu Bình, huyện Quảng Xương...; các KCN trong KKT Nghi Sơn như: KCN được phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ, KCN số 17...

¹²³ Trong đó: Khu vực đồng bằng và ven biển: 22 cụm công nghiệp; khu vực miền núi 8 cụm công nghiệp.

¹²⁴ Phân đầu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng: Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, Công viên văn hóa xứ Thanh, Sân vận động tỉnh đạt chuẩn, Nhà thi đấu đa năng và Khu thể thao dưới nước tầm cỡ khu vực.

¹²⁵ Như: Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM; làm hàng rào xanh; nhà sạch, vườn đẹp; khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn; khu dân cư tự quản đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông...

¹²⁶ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đề án n "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030".

¹²⁷ Như: khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các đô thị, khu du lịch, làng nghề, các cơ sở công nghiệp gần các nguồn nước, khu vực đầu nguồn các hệ thống sông, suối...

PHỤ LỤC SỐ 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

(Kèm theo Báo cáo chính trị số 708-BC/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025	So sánh kết quả đạt được với mục tiêu Đại hội	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
I	VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân	%	Tăng 11% trở lên	10,24	Không đạt	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế	%	100	100,0	Không đạt	
-	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	5,9	12,0		
-	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	53,8	51,0		
-	<i>Dịch vụ</i>	%	30,5	30,0		
-	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	9,8	7,0		
3	GRDP bình quân đầu người năm 2025	USD	5.200	3.750	Không đạt	
4	Sản lượng lương thực hằng năm	Triệu tấn	Ổn định ở mức 1,5 triệu tấn	Ổn định ở mức 1,5 triệu tấn	Đạt KH	
5	Tổng giá trị xuất khẩu năm 2025	Tỉ USD	8	8	Đạt KH	
6	Tổng huy động vốn đầu tư phát triển 05 năm	Tỉ đồng	750.000	700.100	Không đạt	
7	Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm	%	10	10,5	Vượt KH	

8	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025	Ha	Tăng thêm 32.000 ha	33.800	Vượt KH	
9	Xây dựng nông thôn mới đến năm 2025	Huyện, xã	17 huyện; 88% số xã NTM; 25% số xã NTM nâng cao; 8% xã NTM kiểu mẫu	15 huyện, 374 xã NTM (83,3%); 04 huyện, 125 xã NTM nâng cao (33,4%); 33 xã NTM kiểu mẫu (8,8%)	Vượt KH	Số liệu thực hiện tính đến ngày 30/6/2025
10	Thành lập mới doanh nghiệp 5 năm	DN	15.000	17.600	Vượt KH	
11	Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025	%	40,0	40,0	Đạt KH	
12	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm	%	9,6	10,4	Vượt KH	
II	VỀ VĂN HÓA					
13	Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm	%	Dưới 1%	Dưới 1%	Đạt KH	
14	Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025	%	75,0	75,0	Đạt KH	
	+ Trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ	%	30,0	30,0	Đạt KH	
15	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2025	%	Dưới 30,0%	29,9	Đạt KH	
16	Giảm tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm	%	1,5% trở lên	1,56	Đạt KH	
17	Số bác sỹ/vận dân năm 2025	Người	13,0	13,0	Đạt KH	
18	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2025	%	95% trở lên	95,0	Đạt KH	
19	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025	%	81,0	86,9	Vượt KH	

20	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm 2025	%	100	100	Đạt KH
	+ Trong đó: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao	%	20,0	34,0	Vượt KH
21	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu năm 2025	%	20% trở lên	30,0	Vượt KH
III VỀ MÔI TRƯỜNG					
22	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,0	54,0	Đạt KH
23	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2025	%	98,5	98,5	Đạt KH
	+ Trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	%	65,0	65,0	Đạt KH
24	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025	%	90,0	92,1	Vượt KH
IV VỀ AN NINH TRẬT TỰ					
25	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT hằng năm	%	80,0	80,0	Đạt KH
V XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
26	Kết nạp đảng viên mới	Đảng viên	Hàng năm kết nạp 3.000 đảng viên mới	28.535	Vượt KH
27	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	80% trở lên	95%	Vượt KH

PHỤ LỤC SỐ 2
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Báo cáo chính trị số 708-BC/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Ghi chú
A	B	C	1	
I	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm giai đoạn 2026 - 2030	%	Tăng 11% trở lên	
	Trong đó:			
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	Tăng 3% trở lên	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	Tăng 14% trở lên	
-	Dịch vụ	%	Tăng 9% trở lên	
-	Thuế sản phẩm	%	Tăng 6% trở lên	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030	%	100	
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	57	
-	Dịch vụ	%	33	
-	Thuế sản phẩm	%	5	
3	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030	%	30	
4	GRDP bình quân đầu người năm 2030	USD	7.900	
5	Tỉ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030	%	36% trở lên	
6	Thu nhập bình quân đầu người năm 2030	Triệu đồng	90	
7	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm 2026 - 2030	Tỉ đồng	840 nghìn tỉ đồng trở lên	
8	Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026 - 2030	lần	5,2	

9	Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm	%	7	
10	Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030	Tỉ USD	15 tỉ USD trở lên	
11	Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm	Triệu tấn	Ổn định ở mức 1,5 triệu tấn	
12	Số doanh nghiệp thành lập mới 05 năm giai đoạn 2026 - 2030	DN	15.000 DN trở lên	
13	Tỉ lệ đô thị hóa năm 2030	%	50,0 trở lên	
14	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030	Ha	Tăng thêm 50.000 ha trở lên	
	<i>Trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao</i>	Ha	Đạt 10.000 ha trở lên	
15	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm	%	8,1% trở lên	
16	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030	%	55% trở lên	
17	Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030	Căn hộ	7.500 căn hộ trở lên	
18	Xây dựng nông thôn mới đến năm 2030	%	Toàn tỉnh có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có 35% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; không còn xã dưới 15 tiêu chí nông thôn mới	
II VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI				
19	Tỉ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hàng năm	%	1,0% trở lên	
20	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030	%	80% trở lên	
	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	35% trở lên	
21	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030	%	Dưới 20,0%	
22	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	95% trở lên	

23	Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030	Người	15,0	
24	Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030	%	88,5	
25	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030	%	59,5% trở lên	
III	VỀ MÔI TRƯỜNG			
26	Tỉ lệ che phủ rừng năm 2030	%	54,5	
27	Tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030	%	99,5	
	<i>Trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	75,0	
28	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030	%	95,0	
IV	VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH			
29	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT hằng năm	%	80,0	
	<i>Trong đó: Tỉ lệ xã, phường không ma túy đến năm 2030</i>	%	50% trở lên	
30	Tỉ lệ xã, phường có lực lượng dân quân thường trực đến năm 2030 (xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh)	%	100%	
V	XÂY DỰNG ĐẢNG			
31	Kết nạp Đảng viên mới hằng năm	Đảng viên	8.100 đảng viên mới trở lên	
32	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	90% trở lên	

PHỤ LỤC SỐ 3
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, QUY MÔ LỚN CẦN TẬP TRUNG
THÁO GỠ KHÓ KHĂN, VƯỞNG MẮC ĐỂ ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ

(Kèm theo Báo cáo chính trị số 708-BC/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX)

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
1	Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa	3.800	2021 - 2027
2	Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 1	3.000	2021 - 2026
3	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2	2.000	2025 - 2027
4	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3	2.000	2025 - 2027
B	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		
5	Nhà máy xi măng Đại Dương	7.722	2019 - 2025
6	Nhà máy Luyện cán thép Nghi Sơn số 2	4.787	2022 - 2026
7	Nhà máy Intco Medical Việt Nam	2.796	2024 - 2026
8	Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang - Nghi Sơn	2.400	2022 - 2026
9	Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam	1.634	2025 - 2028
10	Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn	1.200	2025 - 2028
11	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn (giai đoạn 2)	1.059	2024 - 2026
12	Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện - Giai đoạn 1	1.025	2024 - 2025
13	Sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện với môi trường tại KCN Bim Sơn của Công ty Intco Medical Invesment Singapore Pte.ltd	2.972	2024 - 2025
14	Nhà máy gia công sản xuất giấy dếp xuất khẩu của Công ty TNHH giấy Alivia Việt Nam	972	2024 - 2026
15	Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn	5.500	2026 - 2028
16	Nhà máy sản xuất ván tre OSB sta BOO Thanh Hóa	3.199	2025 - 2027
17	Thủy lợi kết hợp thủy điện Tén Tàn	418	2024 - 2029
18	Thủy điện Sông Âm	522	2025 - 2030

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
C	LĨNH VỰC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
19	Khu đô thị mới tại xã Hoàng Quang và Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa	12.890	2020 - 2028
20	Khu đô thị mới dọc Đại lộ Nam Sông Mã	4.367	2019 - 2028
21	Khu đô thị Tây Nam Đại lộ Nam sông Mã 1, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa	3.603	2022 - 2027
22	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	3.255	2023 - 2028
23	Thành phố Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa	2.500	2025 - 2027
24	Khu đô thị Đông Đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa.	1.204	2012 - 2026
25	Khu đô thị Núi Long kết hợp khu tái định cư phục vụ GPMB đường vành đai Đông - Tây	1.127	2016 - 2026
26	Khu đô thị sinh thái 2 bên bờ sông Đơ, thành phố Sầm Sơn	804	2012 - 2026
27	Dự án số 2 - Khu đô thị mới Lam Sơn - Sao Vàng	561	2021 - 2027
28	Khu dân cư mới Diêm Phố, xã Hưng Lộc, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc	511,3	2019 - 2027
D	LĨNH VỰC DỊCH VỤ		
29	Trung tâm thương mại AEON MALL THANH HÓA tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	4.584	2024 - 2026
30	Khu du lịch sinh thái Tân Dân	11.096	2021 - 2027
31	Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	6.849	2021 - 2027
32	Khu đô thị nghỉ dưỡng và công viên vui chơi giải trí Nam Sông Mã	6.156	2020 - 2025
33	Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại của Công ty Cổ phần ORG	4.969	2022 - 2028
34	Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En	4.960	2023 - 2027
35	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường (Khu A)	3.197	2021 - 2026
36	Cảng Container Long Sơn	2.400	2023 - 2030
37	Cảng tổng hợp Long Sơn	2.300	2019 - 2025
38	Khu bến container 2	2.151	2019 - 2027
39	Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	1.616	2024 - 2027
40	Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa	1.400	2021 - 2025

PHỤ LỤC SỐ 4
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP ƯU TIÊN KÊU GỌI, THU
HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Kèm theo Báo cáo chính trị số 708-BC/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX)*

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
A	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		
1	Tổ hợp hóa dầu và sản xuất vật liệu nhựa mới tại KKT Nghi Sơn	2 triệu tấn PE và PP/năm	115.000
2	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính tại KCN Lam Sơn - Sao Vàng	500.000 sản phẩm/năm	5.750
3	Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn	1500MW	58.026
4	Nhà máy sản xuất xơ, sợi tổng hợp tại KKT Nghi Sơn	100 nghìn tấn/năm	11.500
5	Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế tại KCN Lam Sơn - Sao Vàng	SXKD sản phẩm vật tư y tế	4.600
6	Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol tại KKT Nghi Sơn	600 nghìn tấn/năm	3.450
B	LĨNH VỰC ĐÔ THỊ HÓA VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG		
7	Hạ tầng khu công nghiệp điện tử tại KKT Nghi Sơn	493 ha	5.839
8	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN thực phẩm tỉnh Thanh Hóa	200 ha	1.600
9	KCN Dược phẩm công nghệ cao tại KKT Nghi Sơn	142,2 ha	1.474
10	Đầu tư hạ tầng KCN số 19 tại KKT Nghi Sơn	295 ha	2.360
11	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	23-25 triệu tấn/năm	14.119
12	Khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và vui chơi giải trí cao cấp Xuân Lai	Diện tích sử dụng đất 50 ha	3.500
13	Dự án số 1 - Khu đô thị Đông Nam thành phố Thanh Hóa	Diện tích sử dụng đất 260 ha	12.000

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
C	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, DU LỊCH		
14	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	102 ha	20.700
15	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	543 ha	6.210
16	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	DLST kết hợp nghỉ dưỡng	2.300
17	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế	Chất lượng 05 sao quốc tế	2.300
18	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng	Sân golf 18 lỗ; tổ hợp nghỉ dưỡng 63ha	4.100
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
19	Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	800 - 1000 ha	8.000
20	Nhà máy chế biến dừa và hoa quả, gần với vùng nguyên liệu	Công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm	1.000
E	LĨNH VỰC Y TẾ, MÔI TRƯỜNG		
21	Bệnh viện Quốc tế Thanh Hóa	500 giường bệnh	700
22	Bệnh viện phục hồi chức năng Quốc tế	350 giường bệnh	490
23	Cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng theo Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Miền Trung	Đến năm 2025: 500 tấn/ ngày đêm; đến năm 2045: 1.000 tấn/ ngày đêm.	720

PHỤ LỤC SỐ 5
ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC TÍCH TỤ,
TẬP TRUNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN,
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

*(Kèm theo Báo cáo chính trị số 708-BC/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX)*

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
	TỔNG CỘNG	50.000	10.000
1	Hoằng Hóa	70	20
2	Hoằng Tiến	85	23
3	Hoằng Thanh	135	25
4	Hoằng Lộc	25	5
5	Hoằng Châu	530	200
6	Hoằng Sơn	60	30
7	Hoằng Phú	20	
8	Hoằng Giang	75	45
9	Triệu Lộc	230,5	50
10	Đông Thành	222,5	50
11	Hậu Lộc	220	50
12	Hoa Lộc	246	125
13	Vạn Lộc	231	50
14	Thiệu Hóa	335	100
15	Thiệu Quang	215	75
16	Thiệu Tiến	180	75
17	Thiệu Toán	280	75
18	Thiệu Trung	180	75
19	Yên Định	390	80
20	Yên Trường	330	65
21	Yên Phú	180	45

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
22	Quý Lộc	320	80
23	Yên Ninh	270	40
24	Định Tân	330	55
25	Định Hòa	380	70
26	Nga Sơn	205	50
27	Nga Thắng	142	50
28	Hồ Vương	150	55
29	Tân Tiến	252	50
30	Nga An	150	50
31	Ba Đình	166	45
32	Quảng Phú	120	41
33	Đông Quang	58	15
34	Đông Sơn	85	30
35	Đông Tiến	137	71
36	Hàm Rồng	70	33
37	Nguyệt Viên	100	40
38	Nam Sầm Sơn	40	20
39	Ngọc Sơn	185	145
40	Tân Dân	20	10
41	Hải Lĩnh	45	13
42	Tĩnh Gia	35	5
43	Đào Duy Từ	35	20
44	Hải Bình	30	
45	Trúc Lâm	165	20
46	Các Sơn	50	40
47	Trường Lâm	135	22
48	Lưu Vệ	400	180
49	Quảng Yên	218	
50	Quảng Ngọc	270	100

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
51	Quảng Ninh	210	
52	Quảng Bình	200	70
53	Quảng Chính	400	100
54	Nông Cống	107	15
55	Thắng Lợi	92	17
56	Trung Chính	88	5
57	Trường Văn	133	25
58	Thăng Bình	99	5
59	Tượng Lĩnh	189	18
60	Công Chính	532	205
61	Triệu Sơn	210	120
62	Thọ Bình	90	30
63	Thọ Ngọc	145	40
64	Thọ Phú	260	80
65	Hợp Tiến	170	45
66	An Nông	165	95
67	Tân Ninh	110	70
68	Đồng Tiến	90	70
69	Như Xuân	550	151
70	Thượng Ninh	870	239
71	Hóa Quỳ	700	166
72	Xuân Bình	800	264
73	Thanh Phong	810	100
74	Thanh Quân	820	80
75	Xuân Du	100	
76	Mậu Lâm	108	80
77	Như Thanh	52	10
78	Yên Thọ	980	70
79	Thanh Kỳ	1.710	320

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
80	Xuân Thái	200	20
81	Mường Chanh	77	
82	Quang Chiêu	94	
83	Pù Nhi	41	
84	Nhi Sơn	40	
85	Trung Lý	65	
86	Mường Lý	48	
87	Tam Chung	44	
88	Mường Lát	41	
89	Hiền Kiệt	279	9
90	Thiên Phủ	279	9
91	Nam Tiến	278	10
92	Hồi Xuân	278	9
93	Phú Xuân	140	5
94	Phú Lệ	407	14
95	Trung Thành	279	9
96	Trung Sơn	140	5
97	Trung Hạ	300	
98	Quan Sơn	330	
99	Tam Lư	200	
100	Tam Thanh	300	
101	Sơn Điện	300	
102	Mường Mìn	300	
103	Sơn Thủy	150	
104	Na Mèo	120	
105	Linh Sơn	600	15
106	Đồng Lương	600	2
107	Văn Phú	600	
108	Giao An	600	

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
109	Yên Thắng	500	
110	Yên Khương	500	
111	Yên Nhân	243	140
112	Bát Mọt	212	50
113	Lương Sơn	460	170
114	Thường Xuân	288	80
115	Luận Thành	943	30
116	Tân Thành	1.000	30
117	Vạn Xuân	380	30
118	Thắng Lộc	744	50
119	Xuân Chinh	680	0
120	Ngọc Lặc	530	130
121	Thạch lập	730	180
122	Ngọc Liên	900	220
123	Nguyệt Ấn	930	210
124	Kiên Thọ	690	170
125	Minh Sơn	1.110	290
126	Thọ Xuân	212	60
127	Thọ Long	220	50
128	Xuân Hòa	225	20
129	Sao Vàng	329	65
130	Lam Sơn	192	11
131	Thọ Lập	202	34
132	Xuân Tín	260	60
133	Xuân Lập	260	100
134	Hà Trung	117	15
135	Hà Long	230	150
136	Hoạt Giang	120	10
137	Lĩnh Toại	155	10

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
138	Tổng Sơn	295	110
139	Vĩnh Lộc	440	160
140	Tây Đô	275	125
141	Biện Thượng	335	120
142	Bá Thước	180	6
143	Thiết Ống	480	66
144	Văn Nho	300	1
145	Điền Quang	441	75,3
146	Điền Lư	418	77
147	Quý Lương	511	61,7
148	Cổ Lũng	10	2
149	Pù Luông	10	1
150	Cầm Thạch	710	180
151	Cầm Thủy	500	180
152	Cầm Tú	750	200
153	Cầm Vân	500	120
154	Cầm Tân	500	120
155	Kim Tân	200	20
156	Vân Du	350	150
157	Ngọc Trạo	960	260
158	Thạch Bình	870	200
159	Thành Vinh	520	100
160	Thạch Quảng	250	70
161	Bỉm Sơn	70	0
162	Quang Trung	40	20

PHỤ LỤC SỐ 6
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG TẬP TRUNG ĐẦU TƯ TRONG
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Kèm theo Báo cáo chính trị số 708-BC/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX)*

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			
1	Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoằng Hóa đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	9.985	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
2	Đường giao thông kết nối liên vùng từ đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa đến Quốc lộ 6 và đường cao tốc CT.03 tỉnh Hòa Bình	9.800	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
3	Dự án đường giao thông nối thành phố Thanh Hóa với các huyện Ngọc Lặc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa	5.400	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
4	Đại lộ Bắc sông Mã	4.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
5	Đường tỉnh 501 (Đường Trường Thi - Hàm Rồng)	1.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
6	Đường nối Quốc lộ 47 - Quốc lộ 15 - Quốc lộ 217	4.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
7	Đầu tư đường cất hạ cánh số 2 Cảng hàng không Thọ Xuân	3.500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
8	Tuyến đường Vành đai 2 (giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch)	3.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
9	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 và Quốc lộ 45, tỉnh Thanh Hóa với Quốc lộ 48E, tỉnh Nghệ An	2.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
10	Đường nối QL47 tại Dân Lực, Triệu Sơn với khu du lịch biển Quảng Đại	2.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
11	Đường Minh Sơn - Thành Minh	2.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
12	Đường nối Hồ Chí Minh (khu di tích Lam Kinh) với QL217 (Khu di tích Thành Nhà Hồ)	2.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
13	Đường từ TP. Thanh Hóa đi các xã Định Công, Định Thành, huyện Yên Định	1.765	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
14	Đường Vạn Thiện, Nông Cống - Quảng Lợi, Quảng Xương	1.685	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
15	Tuyến đường Yên Cát - Thanh Quân - Bù Cầm, tỉnh Thanh Hóa	1.400	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
16	Đầu tư các công trình để giảm ùn tắc khu vực thành phố Thanh Hóa, gồm: Dương Đình Nghệ - Đội Cung - Mai An Tiêm/Hàm Nghi...	1.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
17	Đường nối Quốc lộ 1 với đường Ven biển (nối tiếp với đường nối Quốc lộ 1 - Quốc lộ 45)	1.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
18	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỗ Hèn đến đường tỉnh 514	971,9	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
19	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân	1.109,9	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
20	Đường giao thông nối QL.217 với QL.45 và QL.47	921,0	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
21	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa	141,7	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
22	Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Nghi Sơn (theo hình thức đầu tư công)		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
23	Đường Quang Trung (TX. Bim Sơn) - Nga Vịnh (Nga Sơn)	1.200	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
24	Đường tỉnh Chợ Kho - Minh Thọ (ĐT 525) nối Quốc lộ, Quốc lộ 47B và Quốc lộ 45 với nút giao Vạn Thiện	1.142	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
25	Đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuông - Vạn Thiện - Tượng Sơn)	1.158	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
26	Đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường kết nối Ga đường sắt tốc độ cao (gồm: mở rộng tuyến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 47 đoạn từ ngã Tư Phú Sơn giao với đường vành đai phía Tây)	4.300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, CẤP THOÁT NƯỚC			
27	Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu	2.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
28	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng	420	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
29	Đầu tư xây dựng mới tuyến đê hữu Sông Mã đoạn từ Quý Lộc - Yên Lâm, huyện Yên Định	300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
30	Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý tỉnh Thanh Hóa	200	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
31	Thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã	8.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhôm	450	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
33	Xây dựng mới đê tả sông Lèn từ K32 xã Nga Bạch đến đê biển xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn	456,5	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
34	Cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sử dụng vốn vay của IFAD và viện trợ không hoàn lại của AF	794,6	2024 - 2029	Dự án khởi công mới
35	Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa	400	2023 - 2028	Dự án khởi công mới
III	LĨNH VỰC DU LỊCH			
36	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	20.700	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
37	Quần thể du lịch Am Tiên	12.500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
38	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	6.210	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
39	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại huyện Hà Trung	4.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
40	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	2.300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
41	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế tại KKT Nghi Sơn	2.300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
IV	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ NGHI SƠN, KHU CÔNG NGHIỆP			
42	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	14.119	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
43	Khu công nghiệp số 17 - KKT Nghi Sơn	5.839	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
44	Đường giao thông kết nối các Khu công nghiệp số 20, 21, 22 từ Quốc lộ 1A đi đường Thọ Xuân - Nghi Sơn	5.425	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
45	Nạo vét luồng tàu khu bến cảng Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn	3.018	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
46	Khu công nghiệp số 19 - KKT Nghi Sơn	2.360	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
47	Khu công nghiệp Dược phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ	1.474	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
48	Cải tạo, nâng cấp đường 512 kéo dài đoạn từ nút giao đường Sao Vàng - Nghi Sơn đến đường 529	1.400	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
49	Kho dự trữ quốc gia đối với dầu thô, quy mô 01 triệu tấn, tại Nghi Sơn		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
50	Hệ thống các kho, đường ống xăng dầu, LNG, LPG		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
V	LĨNH VỰC ĐIỆN			
51	Nhà máy điện khí LNG Nghi Sơn	58.026	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
52	Nhà máy nhiệt điện LNG Công Thanh	50.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
53	Nhà máy điện gió Mường Lát	12.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
54	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	5.469	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
55	Nhà máy điện gió Hoằng Hoá		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
56	Nhà máy điện gió Thái Hải Hùng		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
57	Nhà máy điện rác Thọ Xuân	3.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
58	Nhà máy thủy điện Mường Min	450	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
59	Nhà máy thủy điện Xuân Khao	261	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
60	Nhà máy thủy điện Mường Lát		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
61	Nhà máy thủy điện tích năng Sông Mực - Đồng Lớn		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
62	Nhà máy thủy điện Yên Mỹ - Bồng Bồng		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
63	Nhà máy điện mặt trời Thanh Hoá I		2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
64	Nhà máy điện mặt trời Yên Mỹ 1		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
65	Nhà máy điện mặt trời ĐMT Long Sơn - Thanh Hóa		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
66	Điện sinh khối Thanh Hóa 1		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
67	Điện sinh khối Thanh Hóa 2		2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
VI	HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, HẠ TẦNG CHUYỂN ĐỔI SỐ			
68	Xây dựng CSHT và lắp đặt thiết bị mạng di động 4G/5G, mạng cáp quang, MAN-E thiết bị	788	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
69	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành An toàn thông tin mạng của tỉnh	190	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
70	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data)	130	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
VII	HẠ TẦNG VĂN HÓA, XÃ HỘI			
71	Khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh (bao gồm: Sân vận động tỉnh; khu thể thao dưới nước; Nhà thi đấu tỉnh...)	2.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
72	Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
73	Trung tâm Văn hóa tỉnh	500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
74	Bệnh viện Lão khoa tỉnh Thanh Hóa	750	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
75	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thanh Hóa	620	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
VIII	HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ			
76	Đề án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các khu tái định cư và giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn			Dự án khởi công mới
77	Đầu tư các dự án tái định cư thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi giai đoạn 2026 - 2030			Dự án khởi công mới
78	Đầu tư hạ tầng các khu tái định cư phục vụ triển khai thực hiện Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam			Dự án khởi công mới